

KINH THÁNH CỦA CÁC BẠN TRẺ

Bản dịch của Gs. Nguyễn Đăng Trúc - Lm. Võ Thành

Dẫn Nhập.....	3
1. Hôm nay, Đấng Cứu Thế sinh ra cho các bạn	7
2. Con là Con yêu dấu của Ta	16
3. Danh tiếng Ngài đồn ra khắp vùng	19
4. Các Dụ Ngôn.....	31
5. "Người này là ai vậy?"	44
6. "Ngài quyết định lên đường tiến về Giêrusalem" ...	50
7. "Đức Kitô chẳng phải chịu những đau khổ này để vào vinh quang của Ngài hay sao?"	57
8. "Các con sẽ là nhân chứng của Ta đến tận cùng trái đất"	81

TÂN ƯỚC

Dẫn Nhập

"Trong quá khứ, Thiên Chúa nói với cha ông chúng ta nhiều lần và bằng nhiều cách qua các ngôn sứ. Những trong giai đoạn cuối cùng này Ngài nói với chúng ta qua Con của Ngài". Đó là những lời của một tác giả viết về Tân Ước đã tóm tắt cách chính thức mạc khải của Thiên Chúa vào cuối thế kỷ thứ nhất. Chúa Giêsu đã tự giới thiệu mình và Ngài chính là con đường duy nhất và hoàn hảo để Thiên Chúa tỏ mình ra cho nhân loại. Điểm chính yếu trong lời giảng dạy của Chúa Giêsu là sứ điệp về một vương quốc, Nước Thiên Chúa. Chúa Giêsu cố làm cho người ta hiểu Nước Thiên Chúa là gì. Vương quyền của Thiên Chúa không phải là cái gì độc tài hay hung ác. Nó rất giống tình yêu của người cha đối với các con mình. Sứ điệp của Chúa Giêsu là lời mời gọi tin vào tình yêu thương vô điều kiện của Thiên Chúa và vào sự trợ giúp cứu rỗi của Ngài. Con người cần biết rằng Thiên Chúa muốn cứu thoát mỗi người, và Ngài muốn tha thứ cho cả những người tội lỗi trầm trọng. Tình yêu của Thiên Chúa không có giới hạn. Thiên Chúa cảm thông thân phận của mỗi tạo vật.

Chúa Giêsu loan báo sứ điệp của Ngài không chỉ bằng lời giảng mà thôi. Ngài còn loan báo qua cách đối xử với

dân chúng. Ngài đặc biệt lo lắng đến các trẻ em, người nghèo, người ốm đau, người bị ức hiếp hay bị coi khinh. Ngài giải thoát dân chúng khỏi những bất hạnh thể xác và tâm hồn, qua những việc chữa lành lạ lùng và những phép lạ. Ngài cũng chỉ cho thấy Thiên Chúa muốn giải thoát và tạo hạnh phúc cho con người. Nhờ đó, chúng ta có thể nhìn thấy Nước Thiên Chúa đã đến.

Sứ điệp của Ngài, thái độ lạ thường và đôi khi có vẻ khiêu khích, cũng như quyền năng nơi Ngài đã là duyên cớ tạo thành tranh chấp đối với các quyền bính chính trị và tôn giáo. Mỗi căng thẳng mỗi ngày một tăng thêm, và rốt cuộc, Chúa Giêsu đã bị kết án và chết trên thập giá khoảng năm 30.

Mọi sự xem ra chấm dứt. Nhưng trong thực tế, tất cả lại khởi đầu. Thiên Chúa không bỏ mặc Con Ngài trong sự chết, nhưng đã cho Ngài sống lại cuộc sống mới và đặt Ngài cai trị toàn thể vũ trụ. Những cuộc hiện ra của Chúa Kitô Phục Sinh đã củng cố đức tin của các môn đệ, và sau biến cố Phục Sinh đó ơn của Chúa Thánh Thần đã ban cho họ sự can đảm để loan báo sứ điệp của Chúa Giêsu và Nước Thiên Chúa. Các ngài cũng loan báo cuộc tử nạn, cái chết và phục sinh của Chúa Giêsu. Họ biết rằng Thiên Chúa đã chọn phương cách này để cứu rỗi thế giới. Ơn cứu rỗi đó được ban cho mọi người.

Lúc đầu, các môn đệ trực tiếp rao giảng bằng lời nói. Họ nhắc nhớ và kể lại cho các cộng đoàn về những việc Chúa đã làm và lời Chúa đã nói, những đau khổ, cái chết, và sự sống lại của Chúa. Những lời chứng này về sau được gom góp lại thành những bản văn.

Vào khoảng năm 70 một thần học gia tên là Marcô đã viết lại tất cả những bản văn này một cách có thứ tự. Ông gọi nó là "Phúc Âm", có nghĩa là "Tin Mừng" của Chúa Giêsu Kitô. Marcô không chỉ nói tới cuộc đời của Chúa Giêsu; Phúc Âm của ông không chỉ nhắc nhớ đến một người đã chết. Đây là chứng từ cho hay Chúa Giêsu là Con Hằng Sống của Thiên Chúa. Marcô muốn cắt nghĩa những lời nói, việc làm của Chúa Giêsu, cho những người thời của ông; đồng thời ông muốn giúp các cộng đoàn thời đó sống đức tin. Phúc Âm của ông là một lối giảng cho cộng đoàn lúc ấy... và cho chúng ta là những Kitô hữu ngày nay nữa.

Mười hay mười lăm năm sau, hai thần học gia khác, Luca và Matthêu, bổ túc cho Phúc Âm của Marcô. Họ lưu ý tới hoàn cảnh của các cộng đoàn mới và họ viết dài thêm bằng nhiều chứng từ khác về Chúa Giêsu. Ba bản Phúc Âm này có những điểm chung.

Ngoài ba người viết Phúc Âm này, còn có một thần học gia khác tên là Gioan. Ông viết một Phúc Âm khác vào khoảng năm 90. Cuốn sách của ông rất khác về cả ngôn

ngữ lẫn bố cục, nó độc lập với 3 cuốn Phúc Âm trước. Gioan viết trong một nơi chốn khác biệt và hoàn cảnh cũng khác biệt. Nhưng sứ điệp Gioan loan báo vẫn là một: Chính Thiên Chúa nói qua Chúa Giêsu, Con của Ngài. Ai tin vào Chúa Giêsu sẽ có sự sống thật.

Tân Ước, không kể các Phúc Âm, còn có bài tường thuật về giai đoạn đầu của Giáo Hội hay "Tông Đồ Công Vụ", tập các thư của Thánh Phaolô và các tông đồ khác, và bài viết những lời tiên đoán: Sách Khải Huyền của Gioan.

Tuyển tập của chúng ta trước hết trình bày bản văn của Luca. Phúc Âm của ngài, không kể là dài nhất, còn có những dụ ngôn thật đẹp của Chúa Giêsu và nó được viết theo một lối văn kể truyện rất thích thú. Luca là người duy nhất để lại cho chúng ta một loại Tin Mừng về Giáo Hội; đó là Tông Đồ Công Vụ; trong đó ông kể lại công việc truyền bá Phúc Âm Chúa Giêsu trong thế giới.

Chúng ta cũng xử dụng một đoạn văn trích trong các Phúc Âm khác. Nhờ thế chúng ta sẽ thấy được mỗi tác giả có một lối riêng để diễn tả sứ điệp của Chúa Giêsu theo tinh thần của các Kitô hữu cộng đoàn của mỗi vị. Mục đích của các tác giả là chuyển đạt sứ điệp của Đấng đã Sống Lại, cập nhật trình độ của độc giả, thánh giả của mọi thời đại, mọi giai tầng xã hội.

1. Hôm nay, Đấng Cứu Thế sinh ra cho các bạn

Marcô bắt đầu Phúc Âm của mình bằng sự kiện ra mắt công khai của Gioan Tẩy Giả và làm phép rửa cho Chúa Giêsu. Nhưng Luca và Matthêu thuật lại trước hết các biến cố về ngày sinh nhật của Chúa. Những truyện kể này không phải là những bài tường thuật; nhưng là những chứng từ đức tin của các môn đệ sống theo ánh sáng của Chúa Phục Sinh. Ngay từ đầu, họ cho chúng ta biết Chúa Giêsu là ai: Là Con Thiên Chúa. Đức tin giúp ta hiểu rằng các lời hứa của giao ước cũ đã được thực hiện nơi Ngài.

Thánh kinh Cựu Ước cũng nói cho chúng ta về sự sinh ra của những nhân vật quan trọng Môisen, Samuel. Dựa vào lối viết các truyện này Luca đã kể lại thời thơ ấu của Chúa Giêsu. Nhưng ngay từ trang đầu phúc âm Luca đã nhấn mạnh rằng Chúa Giêsu có mối quan hệ với Thiên Chúa một cách duy nhất và đặc biệt. Chính vì đó mà nguồn gốc sự sống của Ngài phát sinh từ hành động của Chúa Thánh Thần.

Trong tháng thứ sáu, thiên thần Gabriel được Thiên Chúa sai đến một thành ở Galilê có tên là Nazaret. Ngài được sai tới một thiếu nữ đã được hứa hôn cho một người là Giuse thuộc dòng họ David. Tên của cô là Maria. Thiên thần bước vào và nói với cô: "Hãy vui lên, người đầy ân phúc, Thiên Chúa ở cùng cô"

Cô rất bối rối bởi những lời chào này và tự hỏi xem có ý nghĩa gì. Sứ thần nói với cô: "Đừng có e sợ, hỡi Maria. Thiên Chúa mến chuộng cô. Cô sẽ mang thai và sinh một con trai, và cô phải đặt tên cho con là Giêsu. Ngài sẽ rất cao cả và được gọi là Con Đấng Tối Cao. Thiên Chúa sẽ cho Ngài ngai toà của tổ tiên David, Ngài sẽ cai trị trên nhà Giacóp cho tới muôn đời và triều đại của Ngài sẽ không bao giờ cùng".

Maria hỏi thiên thần: "Nhưng làm sao sự việc này có thể xảy ra được vì tôi không lấy chồng?"

Thiên thần trả lời: "Chúa Thánh Thần sẽ đến trên cô và quyền năng của Đấng Tối Cao sẽ bao phủ cô. Và do đó con của cô sẽ là "Đấng Thánh" và được gọi là "Con Thiên Chúa". Không có điều gì mà Thiên Chúa không làm được; hãy xem người bà con của cô là Elizabeth: người ta gọi bà là son sẻ, thế mà bây giờ bà đã mang thai được sáu tháng".

Maria nói: "Tôi là nữ tỳ của Thiên Chúa. Chớ gì những điều ngài vừa nói xảy đến cho tôi".

Sau đó thiên thần từ giã cô. (Lc 1:26-36)

Thiên thần đã cho Maria một dấu hiệu: đó là việc Elizabeth sắp có con trai. Maria đi tới nhà của người chị họ. Hai bà mẹ đến gặp nhau và đó cũng là sự gặp gỡ giữa hai con trẻ sắp chào đời. Elizabeth đã nhận ra Chúa Giêsu

là Chúa của mình. Maria ngợi khen Thiên Chúa là Đáng chọn người thấp hèn trong lời cảm tạ của bà.

Một ngày sau Maria vội vã lên đường, đến một thành trên miền đồi núi thuộc Giuđa. Cô vào nhà ông Zacaria và chào bà Elizabeth. Ngay khi Elizabeth nghe lời chào của Maria, thì con trẻ đã nhảy mừng trong bụng. Bà được đầy tràn Chúa Thánh Thần và lời tiếng nói rằng: "Em là người được chúc phúc hơn mọi người phụ nữ và con của lòng em cũng được chúc phúc nữa. Tôi là gì mà được vinh dự đón tiếp sự viếng thăm của Mẹ Chúa tôi? Ngay lúc nghe tiếng em chào, con trẻ trong lòng tôi đã nhảy mừng sung sướng. Em thật có phúc: vì em tin rằng lời Chúa đã hứa với em sẽ được thực hiện".

Bấy giờ Maria lên tiếng:

"Linh hồn tôi tung hô sự cao cả của Thiên Chúa
và thần trí tôi hớn hờ trong Thiên Chúa, Đáng Cúi
Chuộc tôi,
bởi vì Ngài đã trông đến thân phận thấp hèn của tôi tớ
Ngài.

Từ nay về sau mọi thế hệ
sẽ gọi tôi là người có phúc
vì Đáng Toàn Năng đã làm những việc vĩ đại cho tôi.
Danh Ngài là thánh,
lòng thương của Ngài trải qua từ thời đại này sang
thời đại khác
đối với những ai kính sợ Ngài.

Ngài đã biểu dương cánh tay uy quyền của Ngài,
 Ngài đã dẹp tan mưu đồ của lòng kiêu hãnh;
 Ngài hạ bệ những ông hoàng xuống khỏi ngai toà
 và nâng đỡ người thấp hèn;
 Ngài cho người đói khát dư đầy của cải
 và người giàu có trở về tay không.
 Ngài đến cứu giúp Israel, tôi tớ Ngài,
 theo như lời Ngài đã hứa với tổ tiên chúng tôi,
 do lòng thương yêu của Ngài đối với Abraham
 và con cháu đến muôn đời".

Maria ở lại với chị họ ba tháng và sau đó trở về nhà của mình. (Lc 1:39-56)

Đối với Luca, sinh nhật của Chúa Giêsu là một biến cố có tầm quan trọng chung cho vận mệnh nhân loại. Vì thế ông đã đặt sự kiện này vào khung cảnh các biến cố của lịch sử thế giới: cuộc kiểm tra thuế của đế quốc Rôma. Con trẻ này chứ không phải Xêsa, sẽ mang lại hoà bình cho thế giới. Những sứ giả đầu tiên của tin vui mừng này, ngoài các thiên thần là những kẻ chăn bò lừa tâm thường. Một bằng chứng cho thấy Thiên Chúa không theo mẫu mực của người đời. Ngài chọn những người khiêm tốn.

Vào lúc đó, Hoàng đế Xêsa đã ra một lệnh kiểm tra trong toàn cõi đế quốc. Cuộc kiểm tra đầu tiên này xảy ra khi Quiriniô làm thống đốc xứ Syria. Mọi người phải về quê quán của mình để ghi danh. Vì thế Giuse là người

thuộc dòng họ David, phải rời bỏ Nazareth và đi lên Giuđêa, đến thành của David gọi là Bêlem. Maria, vợ của ông đang có thai cùng đi với ông. Khi họ đang ở đó, thì tới kỳ hạn sinh con và bà đã sinh ra đứa con trai đầu lòng của mình. Bà bọc con trong khăn và đặt trong máng ăn của loài vật bởi vì họ không tìm được phòng nào trong quán trọ.

Gần đó, có những người chăn giữ đoàn vật sống ở ngoài các cánh đồng canh chừng súc vật lúc đêm khuya. Thiên thần của Chúa hiện ra và vinh quang của Chúa chiếu dãi trên họ; họ kinh hãi. Thiên thần nói: "Đừng khiếp sợ. Tôi mang đến cho các người một tin thật vui mừng, niềm vui lớn lao cho toàn dân: hôm nay ở thành của David, một Đấng Cứu Thế đã sinh ra cho các người, Ngài là Đấng Thiên Sai, là Chúa. Và đây là dấu hiệu cho các người: các người sẽ thấy một hài nhi bọc trong khăn và nằm trong máng cỏ".

Bỗng chốc có một đám đông thiên thần ngợi khen Thiên Chúa bằng bài hát :

"Vinh danh Thiên Chúa trên trời cao,
và bình an dưới thế
cho người được Thiên Chúa thương!"

Khi các thiên thần đã về lại trời, các người chăn giữ đoàn vật nói với nhau: "Nào chúng ta hãy đi tới Bêlem và xem sự việc xảy ra mà Chúa đã cho chúng ta biết". Họ hối hả đi ngay và gặp thấy Maria, Giuse và con trẻ nằm trong

máng cỏ. Khi gặp được con trẻ họ lập lại những điều đã nghe nói về Ngài. Tất cả những ai nghe biết đều sửng sốt về những điều các người chăn chiên đã nói. Maria ghi giữ những điều ấy và suy nghĩ trong lòng. Các người chăn chiên trở về và ngợi khen chúc tụng Thiên Chúa, vì tất cả những gì đã nghe và xem thấy đúng như thiên thần đã nói trước. (Lc 2:1-21)

Phúc âm của Matthêu cho ta thấy người Do Thái đã từ chối Chúa Giêsu, và giáo hội vào lúc ông viết Phúc Âm phần lớn được hình thành do những người ngoại quốc, ngoại giáo. Đó là sự kiện Matthêu muốn chứng minh cho ta thấy khi kể về thời thơ ấu của Chúa Giêsu.

Với câu chuyện các nhà thông thái tìm đến Chúa, Matthêu muốn nói lên rằng người ngoại giáo có thể tìm kiếm Thiên Chúa, mặc dù họ chưa biết các mạc khải của thánh kinh đã tỏ bày cho dân Do Thái. Trong khi chính quyền đạo cũng như đời của Do Thái giáo (Hêrôđê và các vị cố vấn) từ chối và bách hại Chúa Giêsu, người ngoại giáo tôn thờ Ngài như là "vua của người Do Thái". Câu chuyện này nhắc lại sự kiện đã xảy ra trong đời của Đức Giêsu và sau này vào thời những Kitô hữu đầu tiên.

Chúa Giêsu đã sinh ra ở Bêlem xứ Giuđêa dưới thời vua Hêrôđê. Có mấy người thông thái từ Phương Đông đến Giêrusalem. Họ hỏi: "Vua Do Thái mới sinh ra ở đâu?

Chúng tôi đã nhìn thấy ngôi sao của Ngài xuất hiện từ Đông Phương và chúng tôi đến để tôn kính Ngài".

Khi vua Hêrôđê nghe điều này thì ông bối rối và cả Giêrusalem cũng bối rối theo ông. Vua triệu tập các thầy cả và những người thông luật trong dân chúng, và hỏi họ cho biết Đấng Thiên Sai sinh ra ở đâu.

Họ trả lời:

"Ở Bêlem xứ Giuđêa, bởi vì sứ ngôn có nói như sau:
Còn ngươi, Bêlem, trong đất Giuđêa,
Người không thấp kém nhất trong các người lãnh đạo
đâu,
vì một nhà lãnh đạo sẽ đến từ ngươi.
Người ấy sẽ cai trị dân Israel của Ta".

Thế rồi Hêrôđê triệu tập riêng các nhà thông thái để hỏi họ ngày giờ chính xác ngôi sao đã xuất hiện. Sau đó vua chỉ họ đi Bêlem với lời lẽ này: "Các ông hãy điều tra cho kỹ về con trẻ, và khi các ông đã tìm thấy, báo cho tôi biết để tôi cũng sẽ đến tôn kính Ngài".

Sau khi đã nghe những lời căn dặn của nhà vua, họ lại lên đường, và ngay trước mặt họ ngôi sao mà họ xem thấy lại xuất hiện. Sao này dẫn đường họ đi và dừng lại chỗ con trẻ sinh ra. Họ tràn đầy vui sướng khi nhìn thấy ngôi sao.

Các vị vào trong nhà và nhìn thấy con trẻ với mẹ là Maria. Họ quì xuống để bái kính. Họ mở các báu vật và dâng cho Ngài vàng, hương và mộc dược. Trong giấc mộng họ được báo cho biết đừng nên trở lại với vua Hêrôđê, vì thế các vị trở về quê hương bằng đường khác. (Mt 2:1-12)

Sau khi các nhà thông thái đã trở về, thiên thần của Chúa hiện ra với Giuse trong giấc mộng và nói: "Hãy thức dậy, mang con trẻ và mẹ Ngài trốn sang Ai Cập. Hãy ở đó cho đến khi tôi báo lại, vì vua Hêrôđê có ý định tìm kiếm con trẻ để trừ diệt".

Giuse liền thức dậy, mang con trẻ và mẹ Ngài trốn đi Ai Cập ngay đêm đó. Họ ở đó cho tới khi vua Hêrôđê băng hà. Điều này làm trọn lời Chúa đã nói qua sứ ngôn là: "Ta đã gọi con Ta ra khỏi Ai Cập".

Vua Hêrôđê tức giận vì biết mình đã bị mấy nhà thông thái đánh lừa. Ông tính toán ngày giờ đã được nói về sự sinh ra của con trẻ và ra lệnh giết tất cả con trai từ hai tuổi trở xuống trong vùng Bêlem và lân cận. Như vậy làm trọn lời sứ ngôn Giêrêmia đã nói:

"Tiếng thôn thức và khóc than
đã vọng lên từ Rama;
đó là tiếng của Rachel khóc thương con cái mình
và không ai an ủi được vì chúng đã chết".

Sau khi Hêrôđê chết rồi, thiên thần của Chúa hiện ra với Giuse trong giấc mộng ở Ai Cập, và nói: "Hãy thức dậy, đưa con trẻ và mẹ Ngài trở về đất Israel, vì những người tìm giết con trẻ đã chết".

Giuse thức dậy, đưa con trẻ và mẹ Ngài trở về đất Israel. Khi nghe biết Archêlaô đã kế nghiệp Hêrôđê làm thủ lãnh xứ Giuđêa thì ông lo sợ. Ông lại được giấc mộng báo cho hay để đi về miền Galilê. Gia quyến định cư trong một thành tên là Nagiaret. Đúng như lời các ngôn sứ đã nói về Ngài: "Ngài sẽ được gọi là người Nagiaret" (Mt 2:13-13).

Người con trai Do Thái đúng 12 tuổi, có bốn phận phải vâng giữ các lề luật. Một trong các luật này là đi kính viếng Giêrusalem. Luca cho hay trong chuyến đi hành hương này. Chúa Giêsu tỏ bày sứ mạng đặc biệt của mình và mối quan hệ duy nhất của Ngài với Thiên Chúa. Điều quan trọng hơn cả đối với Chúa Giêsu là trung thành với sứ mạng mà Thiên Chúa là Cha Ngài giao phó.

Mỗi năm cha mẹ Ngài lên Giêrusalem dự lễ Vượt qua. Khi Đức Giêsu được mười hai tuổi, họ cũng lên dự lễ như mọi năm. Sau lễ, trên đường trở về nhà thì trẻ Giêsu đã ở lại Giêrusalem mà cha mẹ không hay biết gì. Họ nghĩ rằng Ngài đi trong đoàn lễ hành. Nhưng sau một ngày đường họ đi tìm kiếm Ngài giữa những người họ hàng và quen biết. Họ không gặp thấy Ngài nên trở lui lại Giêrusalem. Sau ba

ngày, họ tìm thấy Ngài ở trong đền thờ, Ngài đang ngồi ở giữa các nhà thông luật, nghe và hỏi họ nhiều câu hỏi. Những ai nghe Ngài thì ngỡ trước sự khôn ngoan và các câu đối đáp của Ngài. Cha mẹ quá xúc động khi thấy Ngài. Mẹ Ngài nói: "Này con, tại sao con làm như vậy đối với cha mẹ? Cha con và mẹ đã lo lắng tìm con".

Ngài đáp lại: "Tại sao cha mẹ tìm con? Cha mẹ không biết rằng con phải ở nhà của Cha con hay sao?"

Họ không hiểu Ngài muốn nói gì. Ngài cùng đi với họ về lại Nagiaret. Ngài từng phục cha mẹ. Mẹ Ngài tích giữ tất cả những việc này trong tâm hồn. Còn Chúa Giêsu tăng thêm khôn ngoan, vóc dáng và sự mến chuộng của Thiên Chúa và người ta. (Lc 2:41-52)

2. Con là Con yêu dấu của Ta

Gioan được Thiên Chúa kêu gọi làm ngôn sứ giống như các ngôn sứ trong Cựu Ước, để loan báo việc Chúa đến và mở ra thời cứu rỗi. Ôn cứu rỗi này ban cho mọi người ở mọi thời đại. Chính vì thế mà Luca ghi chép sứ mệnh của Gioan Tẩy Giả trong khung cảnh của lịch sử thế giới. Gioan kêu gọi người ta phải chuẩn bị nhận ơn cứu rỗi qua việc hoán cải. Nói rằng mình là con cháu tổ phụ Abraham chưa đủ. Việc làm của mình mới đáng kể mà thôi.

Trong năm thứ mười lăm của triều đại Hoàng Đế Tibêriô Xêsa, Pontiô Philatô làm thống đốc Giuđêa, Vua Hêrôđê cai trị tỉnh Galilê, em của ông là Philip cai trị các miền đất Iturêa và Tricônitô, còn Abilênê cai trị Lysanias. Thầy cả thượng phẩm bấy giờ là Annas và Caipha. Vào thời điểm này Thiên Chúa đã gửi sứ điệp của Ngài cho nhân loại qua Gioan, con ông Zacaria, từ trong rừng vắng. Gioan đã đi khắp vùng Giôđan. Ông rao giảng phép rửa như dấu chỉ của thống hối, để được tha thứ tội lỗi. Sự việc xảy ra đúng như đã chép trong sách ngôn sứ Isaia:

Có tiếng kêu từ nơi hoang vắng:

"Hãy sửa soạn đường cho Chúa, hãy dọn đường cho thẳng,

các thung lũng phải lấp cho đầy,

các núi đồi phải bạt xuống thấp.

Đường quanh co phải làm cho ngay,

đường gồ ghề phải sửa sang lại.

Bấy giờ toàn thể nhân loại sẽ nhìn thấy ơn cứu rỗi của Thiên Chúa".

Từng đám đông người đến xin làm phép rửa, Gioan nói: "Hỡi dòng giống rắn lục! Ai đã báo cho các ngươi biết rằng các ngươi có thể tránh được sự phán xét của Chúa đã

cận kề? Hãy mau thay đổi nếp sống, là tốt hơn cả. Đừng tưởng rằng: "chúng tôi có Abraham là cha chúng tôi". Bởi vì Thiên Chúa có thể làm cho các hòn đá này thành con cái Abraham. Phải, búa rìu đã đặt vào rễ cây để cây nào không mang hoa trái tốt sẽ bị chặt xuống và ném vào lửa".

Dân chúng hỏi ông: "Vậy chúng tôi phải làm gì?"

Ông trả lời: "Nếu ai có hai áo khoác, phải san sẻ cho người không có, nếu ai có đồ ăn cũng phải làm như vậy".

Có những người thu thuế cũng đến xin làm phép rửa và họ hỏi: "Còn chúng tôi phải làm gì, thưa thầy?"

Gioan bảo họ: "Đừng đòi tiền người ta hơn khoản họ phải trả".

Các binh sĩ cũng đến hỏi: "Còn chúng tôi thì sao? chúng tôi phải làm gì?"

Ông bảo họ: "Đừng làm hung để đòi tiền, đừng hạch sách, tố cáo gian; hãy bằng lòng với đồng lương của mình".
(Lc 3:1-14)

Chúa Giêsu ở giữa những người xin làm phép rửa và không ai hay biết Ngài. Các cuốn Phúc Âm lưu ý đến tầm quan trọng của phép rửa của Chúa Giêsu. Theo ngôn ngữ và hình ảnh của thời đại bấy giờ, chúng ta hiểu rằng qua

Chúa Giêsu, Thiên Chúa thiết lập những tương quan mới với con người. Thời đại mới Thiên Chúa đã hứa bắt đầu.

Khi mọi người đã được chịu phép rửa, Chúa Giêsu cũng chịu phép này. Trong lúc Ngài cầu nguyện, bầu trời mở ra và Chúa thánh thần xuống trên Ngài với hình dáng giống như bồ câu. Cùng lúc đó, một tiếng từ trời phán: "Con là con Cha, con yêu dấu; Cha đã chọn con". (Lc 3:21-22)

3. Danh tiếng Ngài đồn ra khắp vùng

Chúa Giêsu bắt đầu hoạt động ở Galilê, với sự trợ giúp của Chúa Thánh Thần. Lời giảng của Ngài mang lại sứ điệp cứu thoát cho người nghèo, khác với lời giảng của Gioan nói nhiều về sự phán xét và luận phạt. Lúc ban đầu, dân chúng đón tiếp Chúa Giêsu một cách nồng nhiệt, nhưng dần dà người ta thù hận Chúa Giêsu và chống đối sứ điệp của Ngài. Ngay từ đoạn đầu Phúc âm, Luca cho ta thoáng thấy những gì Chúa phải chịu sau này: bị xua đuổi, bắt bớ và bị giết chết. Nhưng ông cũng cho ta hay rằng Đức Giêsu sẽ toàn thắng vì Ngài là Chúa.

Được đầy tràn Chúa Thánh Thần, Chúa Giêsu rời Giordan và trải qua bốn mươi ngày ở trong hoang vắng. Với quyền năng của Thánh Thần, Chúa Giêsu trở về Galilê, và danh tiếng Ngài lan rộng khắp cả vùng. Ngài giảng dạy

trong các hội đường và mọi người ca ngợi Ngài. (Lc 4:1,14,15)

Chúa Giêsu đến Nagiaret nơi Ngài đã lớn lên. Vào ngày Sabat Ngài vào hội đường như mọi khi. Ngài đứng dậy để đọc Kinh Thánh và người ta trao cho Ngài cuốn ngôn sứ Isaia. Ngài mở trục sách ra và gặp ngay đoạn này:

"Thánh Thần Chúa ngự trên tôi.
 Ngài đã chọn tôi để đem tin mừng cho người nghèo,
 đã sai tôi loan báo tự do cho người tù đầy,
 và ánh sáng cho người mù;
 giải thoát cho người bị áp bức,
 và công bố năm khoan hồng của Thiên Chúa".

Ngài cuộn trục sách lại, trao cho người giúp lễ và ngồi xuống. Mọi cặp mắt trong hội đường nhìn vào Ngài. Ngài bắt đầu nói: "Hôm nay bản văn Kinh Thánh được thể hiện ngay trước mắt các người".

Mọi người thán phục Chúa Giêsu và người ta ngạc nhiên về lời tuyên bố của Ngài.

Họ nói: "Người này không phải là con trai của Ông Giuse sao?"

Ngài đáp lại: "Chắc chắn các người sẽ nhắc lại câu ngạn ngữ: bác sĩ hãy chữa chính mình! Và bảo tôi: chúng tôi đã hay những gì ông làm tại Caphanaum, vậy ông hãy làm những việc lạ lùng như thế ở đây đi!".

Và Ngài tiếp: "Tôi bảo cho các người, chưa có vị ngôn sứ nào được đón tiếp tại quê mình. Hãy nhớ rằng: nhiều bà goá trong Israel dưới thời Elia khi hạn hán kéo dài ba năm và sáu tháng, và con đói kém lan tràn khắp miền. Thế mà Elia đã không được sai đến với một người nào trong họ, nhưng được sai đến với bà goá ở Sarepta, xứ Sidôn. Dưới thời ngôn sứ Elisa, có nhiều người phong hủi trong Israel, nhưng không có người nào được chữa lành, ngoại trừ Naaman, người Syria".

Khi họ nghe những lời này, mọi người trong hội đường nổi giận. Họ đứng bật dậy và lôi Ngài ra ngoài thành, họ đem Ngài lên sườn đồi với ý định xô người xuống vực. Nhưng Chúa Giêsu đã lần qua giữa đám đông và đi khỏi. (Lc 4:16-30)

Chúa Giêsu không chỉ lên tiếng vào các dịp lễ ở hội đường. Ngài muốn sứ điệp của Ngài đến với mọi người, ở bất cứ nơi nào. Ngài cần nhiều người cộng tác trong việc này. Những người cộng tác đầu tiên này thuộc số những người đánh cá ở hồ xứ Galilê. Các bản văn nhắc đến tên Simon Phêrô trước hết và kể chi tiết lời mời gọi ông, bởi vì

ông có một vai trò quan trọng trong nhóm các môn đệ. Các môn đệ không phải được gọi vì đã có sự thánh thiện gì đặc biệt, nhưng họ chỉ cần có lòng quảng đại tin thật vào lời Chúa Giêsu. Thông thường, trò đi tìm thầy nhưng Chúa Giêsu mời gọi người nào Ngài muốn.

Chúa Giêsu đang đứng bên cạnh hồ Gê-nê-gi-a-rét, có đám đông chen chúc nhau nghe lời Ngài. Ngài thấy có hai chiếc thuyền ở gần bờ. Các người đánh cá đã ra khỏi thuyền đang giặt lưới. Chúa Giêsu xuống một thuyền, đó là thuyền của ông Simon, rồi Ngài xin ông chèo thuyền ra xa khỏi bờ. Ngài ngồi xuống và giảng dạy đám đông.

Sau bài giảng, Ngài nói với Simon: "Hãy đưa thuyền ra chỗ nước sâu và thả lưới bắt cá".

Simon đáp lại: "Thưa Thầy, chúng tôi đã vất vả suốt đêm mà không bắt được chi. Nhưng nếu Thầy đã nói vậy, tôi sẽ thả lưới".

Họ đã làm theo lời dạy, và bắt được số lượng cá thật nhiều đến gần rách lưới. Họ ra hiệu kêu các bạn ở thuyền khác lại giúp. Các bạn tới và họ bắt cá bỏ đầy thuyền đến gần chìm.

Simon thấy vậy vội quì xuống trước mặt Chúa Giêsu và nói: "Xin hãy xa tôi vì tôi là người tội lỗi!"

Ông và các bạn hoang mang vì mẻ cá vừa bắt được. Hai ông Giacôbê, và Gioan con ông Giêbêđê là người cùng làm với Simon cũng thế. Chúa Giêsu nói với Simon: "Đừng sợ, từ nay về sau ông sẽ là kẻ bắt tâm hồn người ta".

Họ mang thuyền vào bờ, bỏ mọi sự và theo Ngài.

Danh tiếng Ngài được truyền tụng, và những đám đông tuôn đến nghe lời Ngài và xin Ngài chữa bệnh. (Lc 5,1-11,15)

Không bao lâu sau có một cuộc tranh luận, lần này xảy ra giữa Chúa Giêsu và những người Pharisiêu, luật sĩ trong thành. Chúa Giêsu quả quyết mình có quyền tha tội và vì thế gây ra cuộc tranh cãi. Chúa Giêsu chữa một người què để chứng tỏ quyền năng siêu phàm của Ngài phát xuất từ Thiên Chúa. Chữa lành bệnh tật xem ra đối với người Do Thái là khó hơn việc nói xuống "Ta tha tội cho con". Khi kể lại câu chuyện chữa lành bệnh này, Luca muốn cho thấy Chúa Giêsu là Đấng Cứu Thế, Ngài có thể cứu con người toàn diện.

Một hôm khi Ngài đang giảng, có những người Pharisiêu và luật sĩ đến từ các làng thuộc Galilê, Giuđêa và Giêrusalem ở giữa đám thánh giả. Quyền năng của Thiên Chúa cho phép Ngài chữa lành bệnh tật. Vì thế có mấy người khiêng đến một người tê liệt, họ tìm cách mang vào

và đặt ngay trước mặt Chúa. Nhưng họ không thể làm được vì kẹt đám đông. Họ liền lên chỗ mái nhà phẳng mở ngói và thòng người bệnh nằm trên chiếc ghế nằm xuống giữa đám đông trước mặt Chúa Giêsu.

Nhìn thấy đức tin của họ, Chúa nói: "Tội của bạn đã được tha".

Người Pharisiêu và luật sĩ bắt đầu ngấm ngấm nghĩ: "Người này là ai mà dám nói phạm thượng như thế? Ai có thể tha tội ngoại trừ một mình Thiên Chúa?".

Nhưng Chúa Giêsu biết được ý nghĩ của họ, nên Ngài lên tiếng: "Các ông đang nghĩ gì vậy? Hai việc này, việc nào dễ hơn: tội của ông đã được tha hay đứng dậy mà đi? Nhưng để cho các ông hay rằng Con Người có thẩm quyền tha tội dưới đất, Ta bảo người này, hãy đứng dậy, vác ghế nằm mà về nhà".

Lập tức người đó đứng dậy, vác ghế nằm và đi về nhà, vừa đi vừa ngợi khen Thiên Chúa. Tất cả đều sùng sốt và ngợi khen Thiên Chúa. Họ sợ hãi và nói với nhau: "Hôm nay, chúng ta đã nhìn thấy những sự lạ lùng!" (Lc 5,17-26)

Những người thu thuế thường bị coi là những người lừa đảo và bất lương. Nhưng Chúa Giêsu không để ý đến dư luận đó và đã mời gọi ông Lêvi gia nhập nhóm môn đệ.

Lời mời gọi của Chúa đã làm cho người Pharisiêu và luật sĩ khó chịu. Chúa Giêsu lại hay lui tới với những người tội lỗi và bị khinh chê. Thái độ đó đưa tới sự xung đột giữa Ngài và những người tuân giữ các truyền thống và luật lệ. (Lêvi có tên là Matthêu trong phúc âm của Matthêu).

Sau đó Ngài đi ra và để ý tới một người thu thuế tên là Lêvi, đang ngồi ở trong văn phòng thuế; Ngài nói với ông ta: "Hãy theo tôi!"

Ông ta bỏ lại tất cả đứng dậy và theo Ngài. Lêvi mở một bữa tiệc tại nhà mình, có rất nhiều thu thuế và dân chúng tham dự. Người Pharisiêu và luật sĩ chê trách với các môn đệ rằng: "Làm sao các ông lại ăn chung với những người thu thuế và tội lỗi?"

Chúa Giêsu lên tiếng trả lời: "Không phải những người lành mạnh cần đến thầy thuốc, nhưng là những người đau ốm; tôi đến không phải để kêu gọi những người đức hạnh thông hối, nhưng những người tội lỗi". (Lc 5,27-32)

Chúa Giêsu đã gọi 12 người để lập thành nhóm cộng tác mật thiết. Kinh Thánh gọi họ là các tông đồ, có nghĩa là những người được sai đi. Con số 12 nhắc nhở đến 12 bộ lạc của Israel; đó là một cách tượng trưng cho toàn dân. Điều đó diễn tả ý muốn của Chúa Giêsu triệu tập toàn dân chúng

và đưa họ về với Thiên Chúa. Lời cầu nguyện của Chúa lúc ban đêm chứng tỏ tầm quan trọng của việc chọn lựa các vị này.

Chúa Giêsu đi lên đồi cao cầu nguyện suốt đêm và Ngài cầu nguyện cùng Thiên Chúa. Khi trời sáng, Ngài gọi các môn đệ và chọn ra mười hai người làm tông đồ: Simon được Ngài gọi là Phêrô, và anh ông là Anrê, Giacôbê, Gioan, Philipphê, Batôlômêô, Matthêu, Tôma, Giacôbê con ông Alphêô, Simon gọi là Nhiệt Thành, Giuđa con ông Giacôbê và Giuđa Iscariôt, người phản bội Ngài. (Lc 6,12-16)

Dân chúng đến từ mọi nơi để nghe Chúa Giêsu, nhưng ở đây Ngài không chữa lành bệnh cho ai cả. Ngài bắt đầu giảng dạy bằng việc loan báo những mối hạnh phúc. Những người ít được xã hội lưu ý như người nghèo, người đói, người khổ đau và bị áp bức, nghe rằng Thiên Chúa đặc biệt yêu thương họ.

Ngài đi xuống cùng với họ, và dừng lại trên một vùng đồng bằng. Nơi đó đã có một số đông các môn đệ tụ họp, và đám đông dân chúng từ mọi miền của Giuđêa, Giêrusalem và miền bờ biển Tyrô, Sidôn tuôn đến nghe lời Ngài và xin Ngài chữa lành bệnh tật.

Chúa Giêsu đưa mắt nhìn các môn đệ và nói:
"Hạnh phúc cho các con là những người nghèo,

vì nước Thiên Chúa là của các con!

Hạnh phúc cho các con là những người bây giờ đói khát,

vì các con sẽ được no thỏa!

hạnh phúc cho các con là những người bây giờ đang than khóc,

vì chúng con sẽ được vui cười!" (Lc 6,17.18a.20.21)

Matthêu đi vào chi tiết các "mối hạnh phúc" và ghi chú nhiều hơn. Ngài nói cho dân chúng đang đợi chờ mọi sự từ Thiên Chúa, và với thái độ này họ mở lòng mình cho người khác. Người nào cảm thấy mình được Chúa thương và là môn đệ của Chúa Giêsu, thì họ biết mình có trách nhiệm đối với thế giới chung quanh. Người được chọn phải là muối và ánh sáng của thế giới.

Nhìn thấy đám đông, Ngài lên đồi cao và ngồi xuống. Có các môn đệ đến ngồi gần. Ngài bắt đầu lên tiếng dạy dỗ họ:

"Hạnh phúc cho người có tâm hồn của kẻ nghèo,
vì nước trời là của họ!

Hạnh phúc người hiền dịu,
vì họ sẽ được đất làm cơ nghiệp!

Hạnh phúc người than khóc,
vì họ sẽ được an ủi!

Hạnh phúc người đói khát sự công chính,

vì họ sẽ được an ủi!

Hạnh phúc người đói khát sự công chính,

vì họ sẽ được thỏa mãn!

Hạnh phúc người hay thương xót,

Chúa sẽ thương xót họ!

Hạnh phúc người trong trắng trong tâm hồn,

vì họ sẽ nhìn thấy Thiên Chúa!

Hạnh phúc người xây dựng hòa bình,

vì họ được gọi là con Thiên Chúa!

Hạnh phúc người bị bắt bớ vì hành động theo tâm ý của Chúa,

vì nước trời là của họ!

Hạnh phúc cho các con khi người ta hành hạ bắt bớ, và khi người ta nói xấu đủ điều vì đã theo Thầy. Các con hãy vui mừng và sung sướng vì phần thưởng của các con trên trời rất lớn!" (Mt 5,1-12a)

"Các con là muối đất. Nhưng nếu muối nhạt nhẽo thì còn làm cho cái gì mặn được? Nó không còn ích lợi gì nữa, chỉ đáng đổ ra ngoài cho người ta dầy đạp dưới chân.

Các con là ánh sáng thế giới. Một thành xây ở trên ngọn đồi không thể bị che khuất. Không ai thấp đèn lên rồi lại để ở dưới đáy thùng, nhưng phải để trên giá nơi có thể chiếu sáng cho mọi người trong nhà. Cũng một cách đó, ánh sáng của các con phải chiếu sáng trước mặt người ta,

để họ nhìn thấy việc các con và ngợi khen Cha các con ở trên trời". (Mt 5,13-16)

Người nào được Thiên Chúa thương yêu, thì phải tỏ rộng tình thương này. Yêu thương kẻ thù, là một dấu chỉ nổi bật của người môn đệ Chúa Giêsu Con Thiên Chúa. Nếu Thiên Chúa nhân từ với chúng ta, thì chúng ta cũng phải tỏ ra nhân từ với những người chung quanh chúng ta.

"Thầy nói với các người đang nghe Thầy, hãy yêu thương kẻ thù, làm điều tốt cho những người ghét mình, chúc lành cho người nguyên rửa mình.

Hãy đối xử với người khác như mình muốn người ta đối xử với mình. Nếu các người yêu thương những người yêu thương các người, nào các người có làm điều gì lạ lùng đâu? Ngay cả kẻ tội lỗi cũng làm như thế. Và nếu các người cho những kẻ có cơ trả lại cho các người vay mượn, các người có làm điều gì lạ đâu? Ngay kẻ tội lỗi cũng cho vay để lấy lại vốn tương đương. Trái lại, các người hãy yêu kẻ thù các người và làm điều tốt, hãy cho vay và đừng mong có thể được hoàn trả. Các người sẽ lãnh phần thưởng lớn lao và sẽ trở thành con của Đấng Tối Cao, vì Ngài tốt lành. Ngài đo lường đối với kẻ vô ơn và ác độc". (Lc 6,27.28.31-36)

Kinh cầu nguyện của Thiên Chúa, kinh Lạy Cha, tóm lược sứ điệp của Chúa Giêsu về Nước Thiên Chúa. Ba lời xin đầu tiên đề cập tới Nước Chúa đến. Lời xin danh thánh Thiên Chúa được tôn vinh và ý của Ngài được thể hiện biểu lộ ước nguyện thành lập vương quyền của Thiên Chúa trong thế giới. Những lời xin kế tiếp đề cập đến những mối đe dọa lớn của đời sống con người như đói kém, xúc phạm, thiếu đức tin, ác độc. Người nào có thể gọi Thiên Chúa là "Cha", như Chúa Giêsu, họ được mọi sự lành. Đức tin giải thoát họ khỏi mọi phiền muộn và lo lắng.

"Khi các người cầu nguyện, đừng nói bi bô như dân ngoại làm, vì họ tưởng rằng với nhiều lời, họ sẽ được nghe. Đừng bắt chước họ, Cha các người biết các điều các người cần trước khi các người xin Ngài. Vậy các người hãy cầu nguyện như thế này:

"Lạy Cha chúng con ở trên trời,
 chúng con nguyện danh Cha cả sáng,
 nước Cha trị đến,
 ý Cha thể hiện dưới đất cũng như trên trời.

Xin Cha cho chúng con hôm nay lương thực hằng ngày.

Và tha nợ chúng con,
 như chúng con cũng tha kẻ có nợ chúng con.
 Xin chớ để chúng con sa chước cám dỗ,
 nhưng cứu chúng con khỏi sự dữ!"

(Mt 6,7-13)

4. Các Dụ Ngôn

Chúa Giêsu không nói với dân chúng bằng những diễn văn trang trọng. Ngài cắt nghĩa cho họ ý nghĩa của nước Thiên Chúa, và Thiên Chúa là ai bằng các hình ảnh so sánh, các dụ ngôn. Các dụ ngôn là những câu chuyện sống động và cụ thể, với các hình ảnh thiên nhiên và cuộc sống của con người.

Dụ ngôn được trích dẫn đầu tiên ở đây là lời kêu gọi cần có lòng trông cậy. Mặc dù hạt giống bị tiêu mất đi, nhưng đất màu mỡ đã cho nó hoa màu gấp trăm. Mặc dầu gặp bao nhiêu thất bại, Nước Chúa chắc chắn sẽ thành công.

Các dụ ngôn thường không cần phải giải thích đối với thính giả đương thời của Chúa Giêsu. Lời giải thích ghi trong bản văn là để làm cho dụ ngôn phù hợp với thính giả về sau của cộng đoàn Kitô hữu thời kỳ đầu. Nên ta hiểu dụ ngôn người gieo giống là một lời mời gọi trở nên mảnh đất phì nhiêu và nghe Lời Chúa.

Ngài dùng dụ ngôn này nói với đoàn lũ người tụ họp đến từ mọi thành phố: "Một người gieo giống đi gieo hạt. Khi ông gieo vãi, có hạt rơi bên vệ đường và bị người ta dẫm lên hoặc chim đến ăn mất. Có hạt rơi trên đá và khi nó mọc lên nó bị khô héo ngay vì không có nước. Có hạt rơi giữa bụi gai, cũng mọc lên nhưng bị gai lấn lướt mà chết.

Và có hạt rơi vào đất màu mỡ, nó mọc lên và cho hoa trái gấp trăm".

Khi Ngài kể xong, Ngài còn thêm: "Hãy nghe cho rõ, tất cả những người có tai để nghe".

Các môn đệ của Ngài hỏi về ý nghĩa của dụ ngôn này. Chúa Giêsu trả lời: "Các con có thể hiểu được màu nhiệm về nước Thiên Chúa, còn đối với các người khác chỉ là các dụ ngôn, như có lời rằng, họ có thể nhìn mà không thấy, nghe mà không hiểu (Is 6,9).

Đây là ý nghĩa của dụ ngôn: hạt giống là lời Thiên Chúa. Những hạt rơi trên vệ đường là những người nghe lời Chúa nhưng rồi ma quỷ đến và lấy đi khỏi lòng họ kéo họ tin và được Chúa cứu chữa. Những hạt rơi trên đá là người ban đầu nghe và vui mừng đón nhận lời Chúa, nhưng không ăn rễ sâu, họ tin trong một thời gian và rồi khi gặp thử thách, họ bỏ ngay. Còn về phần những hạt rơi trong bụi gai, là những người có nghe nhưng trên đường đi các lo toan và tiền của bóp nghẹt và không lớn lên được. Còn về những hạt rơi trên đất tốt, là những người có tâm hồn quảng đại và tinh tế; nghe lời Chúa thì ghi giữ lại và mang hoa trái nhờ sự trung kiên của họ". (Lc 8,4-15)

Hai dụ ngôn kế tiếp nói về cách thức Chúa Giêsu dạy các môn đệ đường lối cư xử với kẻ khác. Qua dụ ngôn

Người Samaritanô tốt lành, Chúa Giêsu trả lời câu hỏi: ai là người cạnh tôi? Ngài kể ra gương cư xử của người Samaritanô bị người Do Thái khinh chê và gớm ghét như là những người ly giáo. Bất cứ người nào cần đến tôi, đó là người thân cận, không kể đến tôn giáo, chủng tộc, bậc thang xã hội của họ.

Dụ ngôn thứ hai cho chúng ta biết trách nhiệm xã hội của người giàu. Một người giàu có, đối với Thiên Chúa là người chia sẻ của cải với các người khác.

Có một luật gia đứng lên và hỏi Chúa Giêsu để giải bày Ngài: "Thưa Thầy, tôi phải làm cái gì để được hưởng sự sống đời đời?"

Chúa Giêsu trả lời ông: "Trong luật lệ có chép như thế nào? Ông đọc thấy gì?"

Ông ta đáp: "Con phải yêu mến Chúa, là Thiên Chúa của con với hết tâm hồn, hết sức lực và hết tâm trí và yêu người bên cạnh như chính mình vậy".

Chúa Giêsu đáp: "Ông hãy làm như vậy và sẽ có sự sống".

Nhưng người đó muốn phô trương nên nói: "Vậy ai là người bên cạnh của tôi?"

Chúa Giêsu đáp: "Có một người trên đường từ Giêrusalem đến Giêricô bị rơi vào tay những người trộm cướp. Họ lấy tất cả những gì ông có, đánh đập ông rồi bỏ đi để ông nửa sống nửa chết. Một thầy tư tế cũng đi trên con đường ấy, nhìn thấy ông, đi tránh sang phía bên kia. Một thầy thuộc dòng họ Lêvi đi tới nơi cũng làm như vậy. Nhưng một người Samaritanô nhìn thấy ông và động lòng thương. Người này đến gần bên ông và băng bó các vết thương, xức dầu và đổ rượu vào các vết thương. Sau đó người này vác ông lên vai và đưa tới quán trọ để săn sóc. Ngày hôm sau, người này lấy ra hai đồng tiền đưa cho người chủ quán và nói: "Xin ông săn sóc cho nạn nhân và khi trở về tôi sẽ thanh toán số tiền còn thiếu ông đã bỏ ra". Theo ý ông, ai trong những người này tỏ ra mình là người bên cạnh của người rơi vào tay bọn trộm cướp?"

Người thông luật trả lời: "Thưa đó là người đã tỏ lòng thương ông ta".

Chúa Giêsu nói: "Hãy về và làm như vậy". (Lc 10,25-37)

Chúa Giêsu nói: "Các người hãy coi chừng tính hà tiện. Cuộc sống con người không tùy thuộc những gì mình có".

Rồi Ngài lại nói với họ một dụ ngôn: "Ngày kia có một người giàu có sau khi được vụ mùa lớn liền nghĩ: "ta

phải làm gì bây giờ? Tôi không còn đủ chỗ để chứa hoa màu". Thế rồi ông ta lại nghĩ: "Tôi sẽ phá cái kho đó đi và xây cái lớn hơn và chứa các lúa gạo, của cải trong đó. Hãy ung dung, ăn uống và vui chơi". Nhưng Thiên Chúa nói với ông ta: "Thật ngu dại, đêm nay người không còn sống nữa, thì cái các người tích trữ thuộc về ai?" Điều này cũng xảy đến cho người tích trữ của cải cho mình thay vì làm giàu trước mắt Thiên Chúa". (Lc 12,5-21)

Phản đông những người Do Thái không đón nhận sứ điệp về nước Thiên Chúa, và đó là kinh nghiệm đau buồn của Chúa Giêsu và giáo hội sơ khai. Tuy nhiên điều đó không phải là trở ngại cho ý định của Thiên Chúa: là muốn cứu chuộc mọi người.

Dụ ngôn về các khách được mời và bữa tiệc lớn là một sứ điệp hy vọng. Nó nhắc nhở rằng Thiên Chúa có những cách thức bất ngờ khác để hoàn thành chương trình của Ngài. Rốt cuộc phòng tiệc trong nước Thiên Chúa sẽ đầy người.

Một trong những người khách nói với Chúa: "Hạnh phúc thay người nào được dự tiệc trong Nước Thiên Chúa".

Chúa Giêsu đáp: "Có một người mở tiệc và mời một số đông người đến dự. Khi tới giờ ăn tiệc, ông sai đầy tớ đi

gọi những người được mời "Các vị có thể vào bàn, mọi sự đã sẵn". Nhưng tất cả đều tìm lý lẽ để xin kiếu. Người đầu tiên nói: "tôi mới mua một miếng đất và phải đi xem, xin cho tôi kiếu lỗi". Người thứ hai lại nói: "Tôi mới mua năm cặp bò và phải đi xem lại, xin lỗi đành phải kiếu". Một người khác nói: "tôi mới lập gia đình nên không thể đến được". Người đầy tớ đi về và trình lại cho ông chủ. Thế là ông chủ nổi giận nói với đầy tớ: "hãy mau ra ngoài đường phố và mời tất cả những người nghèo khó, bệnh tật, người què quặt và đui mù vào. Người đầy tớ nói "Thưa ông, lệnh truyền của ông đã được thi hành, nhưng vẫn còn chỗ trống". Rồi ông chủ bảo: "Hãy đi đến các ngõ đường và nài kéo người ta đến, làm sao cho nhà đầy hết. Bởi vì ta nói với người, không một người nào đã được mời sẽ nếm được mùi bữa tiệc của ta". (Lc 14,15-24)

Ba dụ ngôn sau đây bàn về việc trở lại của kẻ lầm đường lạc lối. Chúa Giêsu trả lời các đối thủ khi họ tố cáo Ngài sống trà trộn với các người tội lỗi và ngồi đồng bàn với họ. Chúa Giêsu bác bỏ lời chỉ trích này bởi vì Thiên Chúa hành động như người chần chừ đi tìm chiên lạc, như người đàn bà tìm đồng bạc đánh mất và như người cha mồi mõi đợi con. Những người chỉ trích Ngài không được theo gương người anh cả trong dụ ngôn "người con phung phá". Họ cũng được mời vào dự tiệc và vui mừng vì cuộc hội ngộ này.

Những người thu thuế và tội lỗi thường tìm đến với Chúa Giêsu để nghe các điều người nói. Những người Phariseu và ký lục chê trách và nói: "người này đón tiếp những người tội lỗi và ăn chung với chúng".

Vì thế mà Chúa nói với họ dụ ngôn này: "Có người nào trong các ông có một trăm con chiên mà lạc mất một, sẽ không bỏ chín mươi chín con trong đồng cỏ và đi tìm con chiên lạc cho tới khi tìm thấy? Rồi khi đã tìm thấy, ông ta vui mừng vác trên vai. Trở về nhà, ông mời bạn bè và người láng giềng, và nói: "Hãy vui cùng tôi, vì tôi đã tìm thấy con chiên bị lạc mất". Cũng vậy, tôi nói với các ông rằng trên trời sẽ còn vui mừng hơn vì một người tội lỗi thống hối hơn là chín mươi chín người đạo đức không cần phải thống hối". (Lc 15,1-7)

"Nếu một người đàn bà có mười đồng bạc và mất một, bà sẽ thắp đèn lên, lau quét nhà và tìm cho được mới thôi và khi đã tìm thấy bà ta lại chẳng gọi bạn bè, hàng xóm đến và nói với họ: "Hãy chia vui với tôi, tôi đã tìm thấy đồng tiền lạc mất". (Lc 15,8-10)

Và Chúa Giêsu nói tiếp: "Một người kia có hai đứa con. Đứa con thứ hai thưa với cha: "Thưa cha, xin cha chia cho con phần gia tài". Vì thế người cha chia tài sản cho hai người. Ít ngày sau, cậu trẻ thu góp mọi của cải đi miền xa. Cậu phung phí tiền bạc sống hoang đàng. Khi cậu đã xài

hết tiền, miền ấy lại trải qua một cơn đói khủng khiếp và cậu sống cơ cực vì không còn đồng tiền nào nữa. Cậu tự đi xin việc làm và làm trong một nông trại, cho heo ăn. Cậu ước ao được ăn đồ ăn heo đang ăn, nhưng chẳng ai cho. Vì thế cậu hồi tâm lại và nói: "Bao nhiêu tôi tớ làm công trong nhà cha tôi có dư thừa thức ăn, còn tôi ở đây đang sắp chết vì đói. Tôi sẽ bỏ nơi này và về nhà cha tôi và thưa: "Thưa cha, con đã lỗi phạm đến trời và đến cha. Con không đáng gọi là con cha nữa, hãy đối xử với con như một người tôi tớ". Nghĩ rồi cậu ta bỏ nơi đó và về nhà cha mình.

Khi cậu ta còn ở xa xa, cha cậu đã nhìn thấy và động lòng thương. Cha cậu chạy tới và hôn cậu âu yếm. Lúc ấy, người con thưa: "Thưa cha, con đã lỗi phạm đến trời và đến cha, con không còn đáng gọi là con cha nữa". Nhưng người cha đã ra lệnh cho các tôi tớ: "Hãy mau, đem ra đây áo tốt nhất và mặc cho cậu, xỏ nhẫn vào tay cậu và đôi dép vào chân cậu. Hãy mang một con bê béo và giết đi để mở tiệc mừng vì con ta chết nay đã sống lại, lạc mất nay đã tìm thấy". Và tiệc mừng bắt đầu.

Cậu con trai cả vắng mặt, ở ngoài ruộng. Trên đường về nhà anh nghe thấy tiếng đàn hát và nhảy múa. Anh gọi một người tôi tớ đến và hỏi mọi sự. Người tôi tớ nói: "Em cậu đã trở về, và cha cậu truyền giết con bê chúng ta đã nuôi béo vì em cậu đã về an toàn và khỏe mạnh". Cậu anh cả nổi giận và không chịu bước vào nhà, nên người cha

phải ra để nài nỉ cậu; cậu nói với cha: "Con đã tận tụy phục vụ cha và không bao giờ trái lệnh cha. Thế mà cha chưa bao giờ cho con dù chỉ con bê non để vui vẻ với các bạn hữu. Còn bây giờ, đứa con kia của cha đã tiêu tán gia tài của cha, trở về và cha giết một con bê đã nuôi béo". Nhưng người cha nói: "Này con, con ở với cha luôn và mọi cái của cha là của con. Nhưng chúng ta phải mừng vui vì em con đã chết nay sống lại, đã lạc mất nay tìm thấy". (Lc 15,11-32)

Matthêu làm nổi bật cũng một sứ điệp ấy bằng một dụ ngôn khác. Đường lối của Thiên Chúa thì khác với đường lối của con người. Ngài không theo định luật quân bình giữa phục vụ và thưởng công như công lý của thế gian. Thiên Chúa nhìn tận đáy lòng và ý định của mỗi người. Ngài không phỉnh gạt ai và ban thưởng một cách công minh. Nhưng vượt lên các lề luật và phương cách suy nghĩ của chúng ta. Vì thế dụ ngôn những người thợ vào giờ cuối đã gây khó chịu cho người đương thời với Chúa Giêsu, và còn tiếp tục gây thắc mắc cho ta ngày nay.

"Nước Trời giống như chủ ruộng kia đi thuê người làm công cho vườn nho mình. Sau khi đã thỏa thuận với các người làm tiền lương một đồng một ngày, ông đưa họ đến vườn nho. Sau đó, ông lại ra khu chợ và nhìn thấy nhiều người khác đứng không. Ông liền bảo họ: "Các anh hãy đến vườn nho của tôi và tôi sẽ trả tiền công thích đáng".

Và họ cũng đã đến vườn nho làm việc. Đến trưa và chiều, ông chủ cũng ra đi và thuê thợ như vậy. Gần chiều, ông lại đi ra và gặp thấy còn nhiều người nữa đứng đó. Ông hỏi họ: "Tại sao các anh đứng nhàn rỗi suốt ngày vậy?" Họ trả lời: "Vì không có ai thuê chúng tôi". Ông nói với họ: "Các ông hãy đến vườn nho của tôi".

Đến chiều tối, ông chủ vườn nho bảo người cai thợ: "Anh hãy gọi những người làm công lại và trả lương cho họ, bắt đầu từ những người đến sau cùng rồi sau mới là người tới trước nhất. Thế là người được thuê lúc sau trưa mỗi người nhận được một đồng, và những người đến trước nhất trông chờ được nhiều hơn, nhưng họ cũng chỉ nhận được có một đồng mà thôi. Họ nhận nhưng cần nhằn với ông chủ và nói: "Những người khác họ chỉ làm có một giờ mà ông đãi ngộ họ như chúng tôi mặc dầu chúng tôi đã làm công việc nặng nhọc dưới sức nắng gắt!" Nhưng ông chủ trả lời cho một người trong họ: "Này bạn, tôi không có bất công với bạn, nào chúng ta đã chẳng thỏa thuận một đồng sao? Hãy cầm lấy tiền công và đi về. Tôi có thể trả cho người tới trễ nhất như đã trả cho anh. Tôi không được tự do dùng tiền của theo ý tôi muốn hay sao? tại sao bạn lại ghen tức vì tôi rộng rãi?" Như vậy, người sau rốt sẽ trở thành trước hết và người trước hết sẽ trở thành rốt hết". (Mt 20,1-16)

Sứ điệp của Chúa Giêsu về tình yêu thương bao la của Thiên Chúa có thể gây hiểu lầm cho rằng con người không cần phải cố gắng gì. Dù ngôn ngữ nén bạc làm sáng tỏ rằng những ân huệ của Thiên Chúa có những đòi hỏi tương ứng. Người nào nhận được nhiều, những người được cảm nghiệm tình yêu thương của Thiên Chúa, phải chia sẻ tình yêu thương này và phải nỗ lực làm việc cho Nước Thiên Chúa.

Tất cả chúng ta đều phải trả lời về những ân huệ và tài năng do Thiên Chúa ban. Trong ngày phán xét, Chúa Giêsu sẽ không hỏi về những lời nói hay chương trình, Ngài sẽ hỏi về những hành động cụ thể. Ngài sẽ phán xét chúng ta dựa trên cách cư xử của chúng ta đối với người khác, đặc biệt và với những người túng thiếu.

Chúa Giêsu không cho là một tình yêu Thiên Chúa đích thực nếu không có tình yêu cho nhân loại. Trong dụ ngôn về sự phán xét Thiên Chúa đồng hóa chính mình với những người túng thiếu.

"Nước Thiên Chúa giống như một người đi du lịch, gọi các người đầy tớ đến và trao tài sản cho họ. Người thì ông giao năm nén, người kia hai nén, người khác một nén tùy theo khả năng của họ. Thế rồi ông lên đường. Người đã nhận năm nén dùng nó buôn bán sinh lợi được năm nén; người nhận hai nén cũng sinh lợi được hai nén như vậy.

Nhưng người nhận được một nén, đào lỗ dưới đất chôn giấu tiền của ông chủ. Một thời gian lâu sau, ông chủ trở về tính sổ với các đầy tớ. Người nhận được năm ra trước với năm nén thêm khác. Ông nói: "Thưa ông, ông trao cho tôi năm nén và đây tôi có thêm năm nén khác". Ông chủ nói: "Hãy đến và chia phần hạnh phúc của chủ người". Người nhận hai nén cũng làm như vậy và nói: "Ông trao cho tôi hai nén, đây là hai nén thêm khác". Ông chủ nói với người này: "Anh làm rất tốt, hỡi người tớ trung thành, anh chứng tỏ anh có thể trung thành trong những việc nhỏ, tôi sẽ tin anh nhiều hơn, hãy đến và chia phần hạnh phúc của chủ người". Sau cùng người nhận một được một nén bước ra nói: "Thưa ông, tôi biết ông là người khó tính, ông gặt nơi không gieo và thu lượm nơi không tung vãi, vì thế tôi sợ hãi và cất giấu nén bạc dưới đất. Nó đây, nó là của ông, xin ông lấy lại". Nhưng ông chủ đáp lại: "Đầy tớ xấu xa lười biếng, anh đã biết rằng tôi gặt nơi không gieo và thu lượm nơi không tung vãi. Nếu vậy anh phải ký thác tiền tôi cho nhà băng và khi tôi trở về tôi có thể lấy lại được vốn với tiền lời. Hãy lấy nén bạc kia và cho người đã có mười nén. Đối với người đã có, sẽ được cho thêm, và còn được nhiều thêm hơn là cần thiết; nhưng người đã không có, thì ngay cả cái anh có cũng bị lấy mất. Còn tên đầy tớ vô dụng này hãy ném vào nơi tối tăm: ở đó sẽ khóc lóc và không còn hy vọng". (Mt 25,14-30)

"Khi con người đến trong vinh quang, có các thiên thần hộ tống, Ngài sẽ ngồi trên ngai như một vị vua khai hoàn. Tất cả các nước sẽ tụ họp trước mặt Ngài, và Ngài sẽ tách biệt họ ra như người chăn chiên tách biệt các con chiên khỏi con dê. Và Ngài sẽ sắp chiên ở bên phải, dê ở bên trái. Rồi ông vua sẽ nói với những người bên phải: "Hãy đến, các ngươi được Cha Ta chúc phúc; hãy đến và chiếm hữu vương quốc đã chuẩn bị cho các ngươi từ thuở tạo lập thế giới. Bởi vì Ta đói các ngươi đã cho Ta ăn. Ta khát các ngươi cho Ta uống. Ta là người ngoại quốc các ngươi đã đón tiếp Ta, Ta trần truồng các ngươi đã cho Ta mặc, Ta ốm đau các ngươi đã chữa trị, Ta ở trong tù và các ngươi đã viếng thăm Ta". Bấy giờ người công chính sẽ đáp lại: "Lạy Chúa, có khi nào chúng tôi đã thấy Chúa đói và cho Chúa ăn? hoặc Chúa khát và cho Chúa uống? có khi nào chúng tôi đã thấy Chúa là người ngoại quốc và đón tiếp Chúa, trần truồng và cho Chúa mặc, ốm đau hoặc trong tù mà đến viếng thăm?" Và nhà vua sẽ trả lời: "Ta nói thật rằng bất cứ khi nào các ngươi làm điều này cho một trong những người anh em của các ngươi là làm cho Ta". Kế tiếp vua nói với những người ở bên trái: "Hãy đi cho khỏi Ta, hỡi kẻ đáng bị nguyên rủa, tới lò lửa vĩnh viễn đã được sửa soạn cho ma quỷ và các thần xấu. Bởi vì Ta đói các ngươi không hề cho Ta ăn, Ta khát các ngươi chẳng cho gì uống, Ta là người ngoại quốc và các ngươi chẳng đón tiếp, Ta trần truồng và các ngươi không cho mặc, Ta ốm đau và ở tù các ngươi không hề viếng thăm Ta". Rồi họ

cũng hỏi lại: "Lạy Chúa, có khi nào chúng tôi thấy Ngài đói hoặc khát, ngoại quốc hoặc trần trụi, ốm đau hoặc bị tù đầy, mà chúng tôi không đến cứu giúp?" Ngài sẽ trả lời: "Ta bảo thật, bất cứ khi nào các người chênh mảng làm điều này cho một người thấp kém nhất, tức là các người đã chênh mảng làm cho Ta".

Và họ sẽ đi chịu hình phạt vĩnh viễn, còn người công chính hưởng sự sống đời đời". (Mt 25,31-46)

5. "Người này là ai vậy?"

Chúa Giêsu muốn loan báo tin mừng cho số đông dân chúng. Đó là lý do Ngài đi luôn luôn. Trong số những người theo Ngài, có một ít phụ nữ, và điều này làm hoang mang xã hội trọng nam của thời đại ấy. Cùng với các môn đệ, những người phụ nữ này sẽ là những chứng nhân cho các lời nói và việc làm của Chúa Giêsu sau khi Ngài phục sinh. Các người phụ nữ cũng giữ một vai trò quan trọng trong việc truyền giáo của Giáo Hội thuở sơ khai.

Ngài đi qua mọi thành phố, làng mạc rao giảng Tin Mừng về Nước Thiên Chúa. Nhóm mười hai cũng ở với Ngài và một số phụ nữ mà Ngài đã chữa cho khỏi tà thần hay bệnh tật: Maria gọi là Mađalêna đã được trừ khỏi bảy quỷ dữ, Gioanna, vợ ông Chuza, người quản lý của vua Hêrôđê, Susanna và nhiều bà khác giúp Ngài bằng tiền bạc của mình. (Lc 8,1-3)

Chúa Giêsu không phải chỉ là một thầy dạy. Ngài còn là người cứu chuộc nhân loại. Chính vì lẽ đó mà Luca thuật lại một số việc lạ lùng Chúa Giêsu đã làm.

Các phép lạ của Chúa Giêsu chứng tỏ rằng nước Thiên Chúa đã đến ở giữa nhân loại. Các phép lạ này là hành vi cứu chuộc có nghĩa giải thoát con người. Các bản tường thuật về phép lạ cũng trình bày những loại ân huệ con người có thể nhận lãnh nhờ đức tin vào quyền năng và tình yêu thương vô biên của Thiên Chúa. Thiên Chúa làm điều mà thường tình nhân loại không thể làm. Bằng cách này, các bản tường thuật phép lạ luôn luôn là những câu truyện có mục đích củng cố đức tin và luôn giữ vững niềm hy vọng của chúng ta. Nếu chúng ta đứng vững trong đức tin, chúng ta có thể chắc dạ sẽ được Chúa ban những điều Ngài đã làm cho kẻ khác trước chúng ta.

Nếu Thiên Chúa bày tỏ chính Ngài trong lịch sử Israel như là Chúa của các động lực thiên nhiên, quyền năng thần linh của Ngài cũng bày tỏ qua việc làm bão tố bình lặng ở hồ qua lời của Chúa Giêsu. Đối với cộng đoàn, bản tường thuật là một biểu hiệu sự có mặt của Chúa Giêsu trên "thuyền của Giáo Hội", thời sơ khai, và sau này trong suốt những phong ba bão táp mà Giáo Hội phải trải qua. Các môn đệ phải trông cậy vào một mình Chúa Giêsu.

Một ngày kia, Chúa Giêsu bước xuống thuyền cùng với các môn đệ, và nói với họ: "Nào chúng ta đi sang phía bên kia bờ hồ".

Họ ra khơi. Khi họ căng buồm thì Ngài ngủ thiếp đi. Bão tố dấy lên. Thuyền bắt đầu đầy nước, và những người trên thuyền thấy mình lâm nguy. Họ đến gần Chúa Giêsu đánh thức Ngài dậy và nói: "Thưa Thầy, thưa Thầy, chúng ta chết mất!"

Chúa Giêsu thức dậy, đe dọa gió và sóng gầm. Hò yên lặng trở lại. Bấy giờ Ngài nói với các ông: "Đức tin của chúng con ở đâu?"

Và họ phân vì sợ hãi phần vì ngạc nhiên, nói với nhau: "Ngài là ai mà truyền lệnh cho sóng gió phải vâng phục?" (Lc 8,22-25)

Thiên Chúa là Thiên Chúa của sự sống. Cái chết không đặt ra một giới hạn nào đối với quyền năng của Ngài. Khi Chúa Giêsu cho một cô gái đang chết sống lại, Ngài bày tỏ quyền năng thần linh của Ngài. Nhưng người nào muốn cảm nghiệm được quyền năng Thiên Chúa, cần phải có đức tin không thể suy chuyển.

Khi Chúa Giêsu trở về bờ bên này, dân chúng vui mừng đợi đón tiếp Ngài. Lúc đó, có một người tên là

Giairô; ông là người coi hội đường tại địa phương này, tiến đến và sụp lạy dưới chân Chúa Giêsu van nài Ngài đến nhà ông ta, vì đứa con gái duy nhất mới mười hai tuổi sắp chết. Nhưng liền đó có một người từ nhà ông coi hội đường chạy lại nói: "Con ông đã chết rồi. Đừng phiền đến Thầy làm gì nữa".

Chúa Giêsu nghe được điều này, thì nói với người cha của cô gái: "Đừng sợ; hãy tin và cô bé sẽ được cứu chữa".

Khi Ngài bước vào trong nhà chỉ cho Phêrô, Gioan và Giacôbê đi theo cùng với cha mẹ của cô gái. Tất cả họ đang khóc lóc than van. Chúa Giêsu bảo họ: "Đừng khóc! Cô bé không chết đâu mà chỉ ngủ thôi".

Nhưng họ nhạo Ngài vì họ biết là cô bé đã chết. Lúc ấy Chúa Giêsu cầm lấy tay cô gái và gọi lớn tiếng: "Hỡi cô bé, hãy chỗi dậy!"

Cô bé sống lại và đứng dậy. Chúa Giêsu bảo họ cho cô ăn. Cha mẹ cô rất ngạc nhiên. Nhưng Ngài truyền lệnh cho họ không được nói cho ai điều vừa mới xảy ra. (Lc 8,40-42a; 49-56)

Bản tường thuật việc làm cho các ổ bánh sinh ra nhiều nhắc nhở sự chăm sóc của Thiên Chúa đối với Israel trong thời kỳ lang thang trong sa mạc. Câu truyện cũng nhắc lại

việc ngôn sứ Êlisê đã cho một trăm người ăn với chỉ năm ổ bánh mì. Nhưng Chúa Giêsu cao trọng hơn vị ngôn sứ này. Sau này, Chúa Giêsu sẽ dâng hiến chính mình làm của ăn. Khi Kitô hữu nghe trình thuật phép lạ này họ sẽ ý thức về Thánh Lễ Chúa Giêsu là Chúa hiện diện với con người.

Chúa Giêsu cùng các môn đệ lui về một thành gọi là Bêsaida. Nhưng khi dân chúng hay biết được, họ liền đến theo. Chúa Giêsu đón tiếp họ và nói với họ về Nước Thiên Chúa, và chữa lành những người có bệnh.

Lúc ấy vào khoảng xế chiều và nhóm mười hai đến gần Ngài thưa: "Xin để dân chúng đi về; họ có thể vào các làng các trại ở gần đây để tìm nơi trú, bởi vì chúng ta đang ở một vùng hoang vắng".

Chúa Giêsu nói: "Chính các con hãy cho họ của ăn".

Các ông thưa lại: "Chúng con chỉ có vồn vện năm cái bánh và hai con cá. Chúng con phải đi mua thức ăn cho bấy nhiêu người này sao?"

Lúc ấy có khoảng năm ngàn người. Nhưng ngài nói với các môn đệ: "Hãy cho họ ngồi xuống từng nhóm năm mươi người".

Họ làm như thế và bảo mọi người ngồi xuống. Chúa Giêsu cầm lấy năm cái bánh và hai con cá, ngược mắt lên

trời, làm phép bánh và cá rồi bẻ và trao cho các môn đệ để phân phát cho đám đông. Tất cả đã ăn no nê. Người ta thu các mẩu bánh còn lại được mười hai rổ đầy. (Lc 9,10b-17)

Những việc Chúa Giêsu làm khiến cho dân chúng hỏi nhau Ngài là ai. Chỉ có các môn đệ biết được Ngài là Đấng Thiên Sai. Chính Chúa giúp họ dần hồi biết được Đức Kitô chính thật là ai: Ngài là Đấng Thiên Sai mà nhân loại đang mong đợi, là Con Thiên Chúa. Họ không thể tự mình mà biết được Ngài.

Phêrô, nhờ Chúa giúp và vì đức tin khá mãnh liệt bắt đầu nhận biết Đức Kitô là Đấng Thiên Sai. Vì thế Chúa Giêsu đã chọn ông làm "viên đá" để xây Giáo Hội Ngài trên đó, Giáo Hội đó là cộng đoàn các môn đệ của Chúa. Phêrô sẽ phải giúp các môn đệ của Chúa vững mạnh trong đức tin.

Khi Chúa Giêsu đến miền Cêsarêa Philippi, Ngài hỏi các môn đệ: "Dân chúng trả lời thế nào về thắc mắc này: Con Người là ai?"

Và họ trả lời: "Người thì nói là Gioan Tẩy Giả; người nói là Êlia, và những người khác nói là Giêrêmia hoặc một trong các ngôn sứ".

Rồi Chúa hỏi họ: "Còn chúng con, chúng con nói Ta là ai?"

Lúc ấy Simon Phêrô nói lớn tiếng: "Thầy là Đức Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống".

Bấy giờ Chúa Giêsu đáp: "Simon, con Giona, con là người có phúc, bởi vì không phải tự con mà biết việc này, nhưng Cha Ta trên trời. Và Ta cũng cho con hay rằng: con là Phêrô (nghĩa là đá) và trên đá này Ta sẽ xây dựng Giáo Hội của Ta, và cửa hỏa ngục không bao giờ có thể chống được. Ta sẽ cho con các chìa khóa Nước Trời: bất cứ cái gì con cầm buộc dưới đất cũng bị cầm buộc trên trời và bất cứ cái gì con cởi mở dưới đất cũng được cởi mở trên trời".

Rồi Chúa ra lệnh cho các môn đệ không được nói với ai Ngài là Đấng Thiên Sai. (Mt 16,13-20)

6. "Ngài quyết định lên đường tiến về Giêrusalem"

Phần kế tiếp, phúc âm Luca cho hay các môn đệ phải qua đoạn đường nào để trung thành với Chúa Giêsu. Họ phải theo Đức Giêsu trên hành trình về thánh giá; họ có thể phải cam chịu khổ đau và có khi phải chết. Luca mô tả lại hành trình của Chúa Giêsu hướng về Giêrusalem. Con đường này sẽ đưa Ngài đến khổ đau và sự chết, nhưng cũng đến sự sống lại và lên trời. Bản tường thuật này không phải chỉ tả cảnh địa lý nhưng công hiến cho chúng ta

hướng đi thiêng liêng. Đó là hướng đi của các môn đệ trong việc theo gót Chúa Giêsu.

Phản ứng giận dữ của các môn đệ đối với sự thiếu niềm nở của người Samaritanô, cho thấy họ chưa hiểu rõ tinh thần và sứ điệp của Chúa Giêsu. Chúa Giêsu đến để cứu chữa chứ không để tiêu diệt. Đức tin Kitô giáo buộc phải yêu kẻ thù.

Khi thời gian Ngài phải rời bỏ thế giới này đã gần đến, Chúa Giêsu cương quyết lên đường đi Giêrusalem. Ngài sai các sứ giả đi trước vào trong một làng của người Samaritanô để tìm nơi trọ qua đêm. Nhưng các người Samaritanô không muốn đón tiếp Ngài, vì Ngài trên đường đi về Giêrusalem. Lúc đó các môn đệ Ngài, ông Gioan và Giacôbê, nói: "Thưa Thầy, Thầy có muốn chúng tôi xin lửa từ trời xuống thiêu đốt họ không?" Nhưng Chúa Giêsu quay lại nhìn họ và quở trách họ. Họ lại đi sang một làng khác. (Lc 9,51-56)

Các nhà thông luật coi việc chữa bệnh cũng là một việc làm và do đó, việc chữa bệnh bị cấm đoán trong ngày Sabat. Nhưng Chúa Giêsu tuyên bố rằng việc chữa trị cho một người ốm bệnh không nghịch lại luật ngày Sabat. Thiên Chúa muốn cứu độ; luật và điều răn cũng không thể muốn khác hơn việc cứu độ của Chúa. Chúa Giêsu nhìn việc chữa bệnh như là việc tuân giữ giới luật ngày Sabat.

Chúa Giêsu dùng bữa tại nhà của một người Pharisêu nhằm đúng ngày Sabat. Người có mặt để ý theo dõi Ngài. Có một người bị bệnh phù thũng đến trước mặt Ngài. Chúa Giêsu hỏi các người Pharisêu và các nhà thông luật: "Luật có cho phép chữa bệnh trong ngày Sabat không?"

Họ giữ im lặng. Lúc đó Chúa Giêsu cầm tay người đó, chữa ông lành và bảo ông về nhà. Ngài liền nói với họ rằng: "Nếu ai trong các ông có con trai mình hoặc con bà rơi xuống hố, các ông có đi ngay tới kéo nó lên dù đúng vào ngày Sabat không?"

Và họ đã không biết phải trả lời thế nào cả. (Lc 14,1-6)

Giêricô là trạm dừng chót trên cuộc hành trình của Ngài về Giêrusalem. Chính ở đó Ngài làm cho người mù từ khi mới sinh được sáng mắt (ông Ta được gọi là Bartimêô trong phúc âm Marcô). Người này tỏ ra có một đức tin lạ thường. Được chữa khỏi người này theo Chúa Giêsu trên đường đi Giêrusalem. Ông trở thành môn đệ của Ngài.

Khi Chúa Giêsu đến gần Giêricô, có một người mù ngồi bên vệ đường ăn xin. Khi ông Ta nghe đám đông đi qua, ông ta hỏi xem có cái gì xảy ra. Họ nói cho ông biết là Chúa Giêsu người Nazarét đang đi qua. Lúc ấy, ông gọi to lên: "Hỡi ông Giêsu, Con vua David, xin thương đến tôi!"

Dân chúng đứng trước mặt ông mắng ông và bảo ông giữ im lặng. Nhưng ông càng gào to hơn: "Xin con vua David hãy thương đến tôi!"

Chúa Giêsu dừng lại và truyền lệnh mang ông đến. Khi ông tới gần, Chúa Giêsu hỏi: "Ông muốn Ta làm gì cho ông?"

Ông trả lời: "Thưa Ngài, xin cho tôi được thấy lại"

Chúa nói với ông: "Người hãy thấy, đức tin của ông đã cứu chữa ông".

Ngay lúc đó ông hồi phục được thị giác và theo Chúa Giêsu, ngợi khen vinh quang Thiên Chúa. Và tất cả dân chúng khi nhìn thấy phép lạ cũng ngợi khen vinh quang Thiên Chúa. (Lc 18,35-43)

Ở Giêricô, có một người giám đốc thuế tên là Giakêu; ông là người giàu có nhưng lại bị dân chúng khinh khi vì họ xem ông là kẻ lừa đảo. Cũng như bao kẻ khác trước đây, Giakêu gặp được tình yêu nhân từ của Chúa. Chúa Giêsu còn đến ngụ nhà ông, việc này tạo bất bình cho những người vốn xem Giakêu là kẻ tội lỗi. Cuộc gặp gỡ với Chúa Giêsu đã thay đổi hoàn toàn con người Giakêu, vì sau đó ông tuyên bố sẵn sàng cho người nghèo phân nửa gia tài của ông và bồi thường những bất công ông đã làm. Khi dừng lại nhà Giakêu, Chúa Giêsu thực hiện điều Ngài đã dạy; Ngài đến để tìm và cứu chữa những gì đã hư mất.

Sau khi vào trong thành Giêricô, Chúa Giêsu đi rao phỏ. Có một người tên là Giakêu, là giám đốc phòng thu thuế và rất giàu có. Ông muốn nhìn thấy Chúa Giêsu, nhưng đám đông chắn lối không cho ông nhìn thấy Ngài vì vóc dáng ông tương đối thấp. Ông liền chạy đi trước và leo lên cây sung để nhìn thấy Ngài vì Ngài sắp đi qua chỗ ấy. Khi Chúa Giêsu tới nơi, Ngài ngược mắt nhìn lên và gọi ông: "Giakêu, hãy xuống ngay vì hôm nay tôi sẽ ở nhà ông".

Ông hồi hả xuống và vui mừng đón tiếp Ngài. Người ta phàn nàn khi thấy sự việc xảy ra và nói: "Ngài là khách của người tội lỗi!"

Bây giờ Giakêu thưa cùng Chúa Giêsu: "Thưa Thầy, nay tôi cho phân nửa tài sản tôi có cho người nghèo, và nếu tôi đã lấy của ai cái gì thuộc về họ, tôi sẵn sàng trả lại gấp bốn lần".

Chúa Giêsu nói với ông: "Ngày hôm nay sự cứu rỗi đã đến với nhà này, bởi vì ông cũng là con cái Abraham. Con Người đến để tìm kiếm và cứu thoát cái đã mất". (Lc 19,1-10)

Câu truyện về người đàn bà ngoại tình thuật trong phúc âm theo thánh Gioan chứng minh một cách hùng hồn ý định của Chúa Giêsu muốn cứu thoát cái đã mất. Mọi người đã sẵn sàng để ném đá người đàn bà cho chết theo lệ

luật. Chúa Giêsu động lòng thương bà và cứu bà khỏi chết. Những lời của Ngài nói với quần chúng bắt nhân lên án bà là lời cảnh cáo cho những người nào coi mình là công chính. Điều trước nhất họ phải làm là quay về với Chúa và không được lên án một ai.

Các nhà thông luật và người Phariseu mang đến cho Ngài một người đàn bà phạm tội ngoại tình. Họ dẫn người đàn bà đến trước mặt Ngài và nói: "Thưa Thầy, người đàn bà này bị bắt quả tang lúc đang phạm tội ngoại tình. Môisen truyền lệnh cho chúng tôi trong lề luật phải ném đá bà. Nhưng Ngài nói thế nào về việc này".

Họ gài bẫy Ngài với mục đích tìm ra được sơ hở nào để tố cáo Ngài. Nhưng Chúa Giêsu cúi xuống, dùng ngón tay và viết xuống đất. Khi họ lập lại câu hỏi, Chúa Giêsu đứng lên và nói: "Nếu ai trong các ông không có phạm tội gì thì người đó ném đá bà trước tiên".

Rồi Ngài lại cúi xuống viết dưới đất. Khi họ nghe điều ấy, từng người một rút lui, bắt đầu từ người lớn tuổi cho đến người cuối cùng. Chúa Giêsu còn lại một mình với người đàn bà đứng đó. Lúc ấy Ngài nhìn và hỏi bà: "Thiếu phụ, họ đâu cả rồi? Không ai kết tội bà sao?"

Bà trả lời: "Thưa Thầy, không có ai".

Chúa Giêsu nói: "Ta chẳng kết án bà. Hãy về, và đừng phạm tội nữa". (Gioan 8,3-11)

Tình yêu Chúa Giêsu đối với con người không có biên giới. Chúa Giêsu sẵn sàng thí mạng sống để cứu chuộc con người. Đó là sứ mạng Chúa Cha đã trao cho Ngài. Không có hiểm nguy nào có thể làm cho Ngài trốn tránh sứ mạng đó. Chúa Giêsu được ví với kẻ chăn chiên tốt lành, vì Ngài yêu thương đoàn chiên mình mà đành chịu hăm dọa đến sinh mạng. Ngài tự do và hoàn toàn ý thức về việc Ngài làm, trên đường dẫn thân thi hành ý định Cha Ngài. Ngài tự nguyện và thông dong đi đến điểm đích cùng. Và cái chết của Chúa Giêsu là hậu quả của tình yêu của Ngài đối với nhân loại.

"Ta là người chăn chiên tốt. Người chăn chiên tốt hiến mạng sống mình vì con chiên của mình. Người làm thuê, vì không phải là người chăn chiên và không làm chủ con chiên, họ bỏ mặc con chiên khi họ nhìn thấy chó sói đến và họ chạy trốn. Và chó sói bắt chúng, làm chúng tán loạn. Bởi vì họ chỉ là người làm công nên họ không chăm sóc đàn chiên. Ta là người chăn chiên tốt. Ta biết các chiên của Ta và chiên của Ta biết Ta cũng như Cha biết Ta và Ta biết Cha. Ta hy sinh mạng sống Ta vì các con chiên. Ta còn nhiều con chiên khác chưa thuộc về đoàn này. Ta cũng phải đi tìm; chúng sẽ nghe tiếng Ta và chỉ có một đoàn chiên, một người chăn chiên. Cha Ta yêu mến Ta bởi vì Ta

hy sinh mạng sống để mang lại sự sống cho đàn chiên. Không ai lấy được mạng sống Ta, nhưng chính Ta tự hiến mạng sống Ta. Ta hoàn toàn tự do để trao ban sự sống của Ta và Ta sẽ thu hồi lại". (Gioan 10,11-18)

7. "Đức Kitô chẳng phải chịu những đau khổ này để vào vinh quang của Ngài hay sao?"

Chúa Giêsu đến chặng cuối cùng của cuộc hành trình. Tại Giêrusalem, thành thánh, Ngài sẽ phải hoàn tất sứ mệnh của Cha bằng cái chết trên thập giá. Việc vào thành của Ngài được xem như là bằng chứng vương quyền của Ngài. Nhưng Ngài ra mắt bằng cách cỡi con lừa, chứng tỏ vương quyền của Ngài khác với quyền của các vị đế vương trên thế giới.

Ngài bảo hai trong số các môn đệ đi chuẩn bị cho Ngài vào thành Giêrusalem. Trong đoạn này, Luca cho thấy Đức Giêsu là Chúa, Đấng biết trước việc gì sẽ xảy ra. Ngài muốn đối đầu một cách ý thức các biến cố dẫn Ngài đến cái chết. Con người không có thể làm gì chống lại Ngài được; chính Ngài tự nguyện nhận cái chết.

Chúa Giêsu đi đầu đưa các môn đệ hướng về Giêrusalem... Khi họ đến gần Bêphagê và Bêtani, gần núi Cây Dầu, Ngài sai hai môn đệ đi và bảo họ: "Hãy đi vào trong làng trước mặt. Khi vào trong làng, các con sẽ thấy

một con lừa con chưa có ai cỡi đang bị cột giây ở đó; các con hãy cỡi giây và dẫn về đây. Nếu có ai hỏi các con tại sao lại cỡi giây nó, thì các con thưa rằng: Thầy cần đến nó".

Hai người được sai đi đã lên đường và gặp thấy mọi sự như Ngài đã bảo họ. Khi họ đang cỡi giây lừa thì chủ nhân đến hỏi họ: "Tại sao các ông cỡi giây lừa?"

Họ trả lời: "Bởi vì Thầy cần đến nó".

Và họ đã dẫn con lừa đến phủ áo lên lưng cho Chúa cỡi lên trên. Khi Ngài đi, dân chúng trải áo của họ trên đường. Khi Ngài tới gần chân núi Cây Dầu, các môn đệ bắt đầu vui mừng và tung hô Thiên Chúa lớn tiếng vì những việc lạ lùng họ đã được xem thấy. Họ hô lớn tiếng:

"Chúc tụng đức Vua, Đáng nhân danh Chúa mà đến!
Bình an trên trời và vinh quang Thiên Chúa!"

Một vài người Pharisêu từ giữa đám đông nói với Chúa: "Thưa Thầy, xin khiển trách các môn đệ của Thầy"

Ngài đáp: "Tôi bảo thật, nếu những người này họ im tiếng thì những hòn đá sẽ hô hét lên!" (Lc 19,28-40)

Dân chúng bình dị đã tỏ ra yêu mến Chúa Giêsu rất nồng nhiệt. Kẻ thù đích thực của Ngài là lớp thượng tế và các luật gia. Những người này sợ rằng dân chúng sẽ nổi

loạn nếu họ bắt và hành quyết Chúa Giêsu trước mặt dân chúng. Đó là lý do tại sao họ khắp khởi chấp nhận đề nghị của một môn đệ Chúa Giêsu xin nộp Ngài một cách kín đáo.

Ngày lễ Bánh Không Men, cũng gọi là Vượt Qua, đã tới gần. Các thượng tế, ký lục đang tìm cách để loại trừ Chúa Giêsu, nhưng họ còn e sợ dân chúng. Lúc ấy Satan nhập vào Giuđa, có biệt hiệu là Iscariôt, là một trong số mười hai. Ông đến thảo luận với các thượng tế và các đầu mục quản lý Đền thánh về phương cách giao nộp Chúa Giêsu. Lốp người này sung sướng và đồng ý cho ông một số tiền. Giuđa chấp thuận và tìm cơ hội để phản bội Chúa Giêsu không cho dân chúng hay biết.

Vào cận ngày lễ Vượt Qua, người Do Thái có tục lệ ăn con chiên hiến tế trong đền thờ. Bữa ăn có rượu, rau đắng và bánh không men (vì thế gọi là "Lễ Bánh Không Men"). Phêrô và Gioan được giao trách nhiệm sửa soạn. Chúa Giêsu, trong bữa ăn đã loan báo cái chết của Ngài, nhưng Ngài hứa với các môn đệ một cuộc gặp gỡ khác trong Nước Thiên Chúa. Trong bữa ăn tối, Ngài cầm lấy bánh và rượu và cho chúng một ý nghĩa mới, ý nghĩa của chính thân Ngài bị nộp, máu Ngài phải đổ, làm chứng cho tình yêu của Ngài đối với con người. Cái chết của Ngài thể hiện giao ước mới giữa Thiên Chúa và nhân loại; giao ước mới này đã được Giêrêmia loan báo. Chúa Giêsu hy sinh

mạng sống cho mọi người. Thiên Chúa tha thứ mọi tội lỗi cho nhân loại. Việc cử hành Thánh Thể ngày nay là việc tưởng niệm bữa ăn cuối cùng của Chúa Giêsu với các môn đệ.

Rồi tới ngày lễ Bánh Không Men là ngày con chiên Vượt Qua được hiến tế. Chúa Giêsu sai Phêrô và Gioan đi và nói: "Hãy đi chuẩn bị cho bữa ăn Vượt Qua".

Họ hỏi lại Ngài: "Thầy muốn chúng tôi dọn bữa đó ở đâu?"

Ngài đáp: "Khi các con vào trong thành các con sẽ gặp một người đàn ông mang một bình nước. Hãy theo ông vào trong nhà và bảo chủ nhà rằng: "Thầy hỏi ông xem phòng ăn ở đâu để Ngài có thể ăn tiệc Vượt Qua với các môn đệ". Bấy giờ ông sẽ chỉ cho các con một phòng gác rộng đã có sẵn các ghế nằm. Các con hãy sửa soạn ở đó".

Họ ra đi và thấy mọi sự như Ngài đã bảo họ, và họ đã sửa soạn lễ Vượt Qua ở đó. Khi đến giờ, Chúa Giêsu ngồi vào bàn với các môn đệ và bảo họ: "Thầy đã ước muốn được ăn lễ Vượt Qua này với các con trước khi phải chịu khổ. Vì Thầy đã nói với các con rằng. Vì Thầy bảo các con Thầy sẽ không còn uống rượu nữa cho tới khi nước Thiên Chúa đến".

Rồi Ngài lại cầm lấy bánh, tạ ơn Thiên Chúa, bẻ ra chia cho họ và nói: "Đây là mình Thầy sẽ bị giao nộp vì các con. Hãy làm việc này để nhắc nhở đến Thầy".

Cũng vậy, sau bữa ăn tối, Ngài cầm lấy chén và nói: "Chén này là giao ước mới được bảo đảm do máu Thầy, máu sẽ bị tuôn đổ ra vì các con. Thế nhưng, cùng ngồi đồng bàn với Thầy có bàn tay của kẻ phản bội Thầy. Con Người sẽ ra đi theo ý định của Thiên Chúa; nhưng khôn cho kẻ phản bội!"

Họ bắt đầu hỏi nhau xem ai trong bọn họ sẽ làm điều bội phản này. Phêrô nói: "Thưa Thầy, tôi sẵn sàng theo Thầy dầu vào tù hay phải chịu chết".

Và Chúa Giêsu nói: "Thầy bảo thật con, hỡi Phêrô, hôm nay trước lúc gà gáy, con sẽ chối ba lần rằng con chẳng biết Thầy". (Lc 22,7-23, 33.34)

Gioan sử gia kể lại một sự kiện khác nữa. Trong bữa ăn cuối cùng, Chúa Giêsu rửa chân cho các môn đệ. Việc này là bổn phận của tôi tớ trong nhà. Bằng cử chỉ này Chúa Giêsu cho các môn đệ thấy trót cuộc sống của Ngài là phục vụ và cái chết sắp tới sẽ là tột đỉnh của tình yêu. Lúc ban đầu, Phêrô và các môn đệ không hiểu. Nhưng Chúa Giêsu bảo họ rằng muốn làm môn đệ Ngài phải xử sự như Ngài và sống như Ngài đã sống. Điểm đặc biệt của người môn

đệ Chúa Giêsu là phục vụ chứ không ra lệnh. Gioan làm nổi bật hơn các sử gia phúc âm khác về sự bình thản uy dũng của Chúa Giêsu đối diện với cái chết. Đối với Ngài, việc dâng hiến cuộc sống mình đến chết là hành trình từ cõi đời này về với Chúa Cha.

Trước khi lễ Vượt Qua, Chúa Giêsu biết rằng đã đến giờ Ngài phải rời bỏ thế giới này để về cùng Chúa Cha, Ngài đã luôn yêu thương những người thuộc về Ngài ở trong thế giới, nhưng lúc này Ngài tỏ ra cho thấy tình yêu của Ngài trọn vẹn chừng nào.

Khi họ đang ăn bữa tối, thì ma quỷ đã gieo vào đầu óc Giuda Iscariôt, con ông Simon, ý định nộp Ngài. Chúa Giêsu đã biết rằng Chúa Cha trao mọi sự trong tay Ngài và Ngài đã từ Thiên Chúa mà đến thì cũng trở về cùng Thiên Chúa. Ngài đứng dậy khỏi bàn, cởi áo khoác ngoài và lấy khăn lau thắt lưng chung quanh lưng. Rồi Ngài đổ nước vào trong một cái chậu, bắt đầu rửa chân cho các môn đệ và lau với khăn thắt lưng chung quanh lưng. Khi Ngài tới ông Simon Phêrô thì ông nói với Ngài: "Thưa Thầy, Thầy rửa chân cho con sao!"

Chúa Giêsu đáp: "Lúc này con chưa hiểu việc Thầy làm, nhưng sau này con sẽ biết".

Phêrô nói: "Không bao giờ con để cho Thầy rửa chân con!"

Chúa Giêsu đáp: "Nếu Thầy không rửa chân cho con, thì con chẳng có gì chung với Thầy".

Simon Phêrô nói với Ngài: "Vậy, xin Thầy rửa không những chân mà cả tay và đầu con nữa!"

Chúa Giêsu nói: "Không người nào sau khi đã tắm rồi lại còn cần rửa nữa, người đó hoàn toàn sạch sẽ. Các con cũng vậy, các con đã sạch, nhưng không phải tất cả chúng con đều sạch!"

Vì Chúa Giêsu biết ai sắp nộp Ngài, nên Ngài nói: "Không phải tất cả chúng con đều sạch".

Khi rửa chân cho họ xong Ngài mặc áo trở lại và trở về bàn; Ngài nói: "Các con có hiểu điều Ta vừa làm cho các con không? các con gọi Ta là Thầy và Chúa, các con nói thế là đúng vì Ta đúng như vậy. Vậy, nếu Ta là Chúa và là Thầy, đã rửa chân cho các con, các con cũng phải rửa chân cho nhau. Ta đã cho các con một mẫu gương để các con làm như Ta đã làm cho các con". (Gioan 13,1-15)

Chúa Giêsu trải qua kinh nghiệm khắc khoải của con người trước khi chết. Nhưng từ bên trong Ngài đã mức

được sức mạnh cần thiết do lời cầu nguyện để có thể chấp nhận ý muốn của Thiên Chúa. Đó là một gương mẫu cho các môn đệ,... và cho chúng ta.

Được Thiên Chúa tăng sức, Ngài đã có thể trực diện với kẻ phản bội và đội lính tuần tiễu trong tình thần thanh thản. Luca cho thấy trong tình trạng cùng cực nguy hiểm, Chúa Giêsu đã không nghĩ đến mình. Một lần nữa Ngài hành động theo tư cách là Đấng Cứu Thế của nhân loại.

Ngài đi ra và bước về núi Cây Dầu như thói quen. Các môn đệ đi theo Ngài. Khi họ tới nơi, Ngài bảo họ: "Các con hãy cầu nguyện để khỏi bị sa ngã trước thử thách".

Ngài lui xa khỏi họ, khoảng chừng một tầm ném hòn đá; và quì xuống cầu nguyện: "Lạy Cha, nếu đây là ý muốn Cha, xin cất cho con khỏi chén đắng này! Tuy nhiên xin theo ý Cha chứ không phải ý con".

Rồi một thiên thần từ trời hiện ra với Ngài mang sức mạnh đến cho Ngài. Trong cơn khắc khoải Ngài còn cầu nguyện tha thiết hơn và mồ hôi rơi xuống đất từng giọt như những giọt máu to. Cầu nguyện xong, Ngài đến với các môn đệ và thấy họ đang ngủ mệ vì buồn phiền, Ngài bảo họ: "Các con có thể ngủ được sao? Hãy chỗi dậy và cầu nguyện để khỏi bị sa ngã trước thử thách". (Lc 22,39-46)

Ngài còn đang nói thì một nhóm người xuất hiện. Đứng đầu họ là Giuđa, một trong nhóm mười hai. Ông tiến đến sát Chúa Giêsu để hôn Ngài. Chúa Giêsu nói: "Hỡi Giuđa, con phản bội Con Người bằng một cái hôn sao?"

Các người theo Chúa thấy sự việc xảy ra liền nói: "Thưa Thầy, chúng con có phải dùng đến gương chẳng?"

Rồi một người trong họ chém vào tên đầy tớ của vị thượng tế và chặt đứt tai phải. Nhưng Chúa Giêsu nói: "Thôi đủ rồi". Và Ngài sờ đến tai của người đó và chữa lành lại. Sau đó Ngài nói với các vị thượng tế và đầu mục của đội canh đền thờ và các trưởng lão đến bắt Ngài: "Các ông đến với gương giáo, gây gộc xem tôi là một tên trộm cướp. Khi tôi ở giữa đền thờ ngày này qua ngày khác giữa các ông, các ông lại không tra tay bắt tôi. Nhưng bây giờ là giờ của các ông, bây giờ là thời của tôi tằm". (Lc 22,47-53)

Sự việc Chúa Giêsu tiên đoán đã xảy ra. Người môn đệ được chỉ định làm tảng đá của giáo hội và từng tuyên bố sẵn sàng theo Chúa đến chết lại đã chối Ngài chỉ vì sợ hãi. Nhưng, khác với Giuđa, Phêrô đã đặt tin tưởng vào lòng thương xót của Thiên Chúa. Các môn đệ của Chúa Giêsu phải luôn trung thành, và họ cần đến lòng nhân hậu của Chúa.

Sau đó, họ bắt Ngài và dẫn Ngài đi. Họ đưa Ngài đến nhà Thầy Cả thượng phẩm. Phêrô theo ở đằng xa. Các người giúp việc đã nhóm lửa ở giữa sân và Phêrô ngồi xuống giữa bọn họ. Nhưng một cô nữ tỳ nhìn vào mặt ông và nói: "Người này cũng ở với ông ấy".

Nhưng ông đã chối điều đó ngay: "Này bà, tôi không biết người ấy đâu".

Một lát sau có người khác nhìn thấy ông và nói: "Ông cũng là một người trong nhóm họ".

Nhưng Phêrô đáp: "Này bạn, tôi không quen họ đâu".

Chừng một giờ sau. Một người khác quả quyết: "Người này chắc chắn là ở với người ấy vì ông là người Galilê".

Phêrô đáp: "Ông bạn ơi, tôi không biết ông muốn nói gì".

Đang lúc đó, khi ông còn đang nói, thì gà gáy và Chúa quay lại nhìn thẳng vào Phêrô. Phêrô nhớ lại lời Chúa đã nói với ông: "Trước khi gà gáy hôm nay, con sẽ chối Ta ba lần". Ông đi ra ngoài và khóc nức nở. (Lc 22,54-62)

Sau khi bị chế diễu bởi lính canh suốt đêm, Chúa Giêsu bị đưa ra xử trước mặt các vị trưởng lão của dân chúng. Ngài đã long trọng tuyên bố trước Hội Đồng rằng Ngài là "Con Thiên Chúa". Sau đó Ngài bị đưa đến trước Philatô đại diện chính quyền Roma bởi vì chỉ có ông này mới có thể lên án xử tử. Chúa Giêsu đã bị kẻ chống đối Ngài tố cáo. Nhưng biết rằng Philatô sẽ không lên án Chúa Giêsu vì lý do đã tuyên bố là "Con Thiên Chúa", vì thế họ gán cho Ngài nhiều tội chính trị, tố cáo Ngài là người muốn làm cách mạng và có những hành động chống lại chính quyền Rôma. Philatô tìm cách trả tự do cho Chúa Giêsu và tuyên bố Ngài vô tội. Nhưng cuối cùng, khi bị dân chúng làm áp lực, ông nhượng bộ và kết án Chúa Giêsu phải chết trên thập giá. Vì thế người Rôma đã xử tử Chúa Giêsu dựa trên lý do chính trị.

Những người canh giữ Chúa Giêsu chế diễu Ngài và đánh đập Ngài. Sau khi đã lấy khăn bịt mắt Ngài họ nói: "Hãy đoán xem, ai đã đánh mày!"

Bọn họ nối tiếp nhau phỉ báng Ngài. Ngay khi trời vừa sáng đã có buổi họp của các người trưởng lão trong dân, có cả các thượng tế và ký lục. Ngài bị đưa ra trước hội đồng và họ nói với Ngài: "Nếu ông là Đức Kitô, hãy nói cho chúng ta hay".

Ngài đáp: "Nếu tôi nói cho các vị, các vị cũng không tin tôi, và nếu tôi có hỏi quý vị, quý vị cũng không trả lời. Từ bây giờ trở đi, Con Người sẽ ngồi bên hữu Thiên Chúa".

Tức thì họ đồng thanh nói: "Vậy ông là Con Thiên Chúa hả?"

Chúa Giêsu đáp: "Các ngài nói đúng, tôi là Con Thiên Chúa".

Và họ la lên: "Bây giờ chúng ta còn cần chứng nhân nào nữa? Chính chúng ta đã nghe điều đó từ miệng nó".
(Lc 22,63-71)

Toàn thể cử tọa đứng dậy. Họ đem Ngài đến trước mặt Philatô, và bắt đầu tố cáo Ngài như sau: "Chúng tôi thấy nó xúi dục dân chúng nổi loạn, cấm không nộp thuế cho Xêza và xưng mình là Đấng Thiên Sai, là Vua".

Philatô hỏi Ngài: "Ông có phải là vua người Do Thái không?"

Ngài đáp: "Vâng, đúng như ngài nói".

Rồi Philatô nói với các Thầy tư tế và đám đông: "Ta thấy không có gì để buộc tội người này".

Nhưng họ nhấn mạnh: "Người này đã khuấy động dân chúng bằng những lời giảng dạy khắp vùng Giuđêa, khởi đầu từ Galilê cho tới đây".

Philatô triệu tập các Thầy tư tế, các quan án và đám đông rồi nói: "Quý vị đã mang người này đến cho ta như là một tên xúi dục dân chúng. Ta đã tra xét nó trước mặt quý vị và ta không thấy nó có lỗi như các người tố cáo. Cả Hêrôđê cũng không thấy vì vua đã trả lại cho ta. Như quý vị thấy, người này đã không làm gì đáng phải chết. Ta sẽ cho đánh đòn rồi trả tự do".

Nhưng muôn người như một, họ gào lên: "Giết nó đi. Hãy thả Baraba".

Baraba là người đã bị giam tù vì tội nổi loạn trong thành và giết người. Philatô nôn nóng muốn trả tự do cho Chúa Giêsu và nói với đám đông như trước, nhưng bọn họ hét lên: "Hãy đóng đinh xử tử nó. Hãy đóng đinh xử tử nó!"

Lần thứ ba ông Philatô nói với họ: "Tại sao? Người này đã làm cái gì ác hại? Ta thấy nó không có lỗi gì đáng chết. Ta sẽ cho đánh đòn rồi trả tự do".

Nhưng đám đông tiếp tục gào thét, đòi phải đóng đinh Ngài, và tiếng gào của họ mỗi lúc một to thêm, Philatô chiều theo đòi hỏi của họ. Ông trả tự do cho người bị giam

vì tội nổi loạn và giết người, và xử Chúa Giêsu như họ muốn. (Lc 23,1-5;13-25)

Thường thường, người bị kết án phải vác thanh gổ ngang trên vai suốt đoạn đường đến nơi thọ hình. Chúa Giêsu đã yếu sức vì bị đánh đòn, và Simon người Xyrêne đã bị ép phải vác thập giá. Simon trở thành gương mẫu của người môn đệ vác thánh giá bước đi theo Chúa Giêsu.

Các người phụ nữ than khóc Ngài như thói quen đương thời. Chúa Giêsu quay mặt về phía các bà và nói những lời tiên báo về sự phán xét của Thiên Chúa dành cho Giêrusalem. Sau khi bị đóng đinh, Chúa Giêsu còn phải chịu những lời chế diễu và xỉ nhục của những người trong Hội Đồng, của quân lính và của một tên tội nhân cũng bị đóng đinh với Ngài. Nhưng đám đông họ giữ thinh lặng. Chúa Giêsu cầu nguyện cho các kẻ thù. Luca nhắc nhở người Kitô hữu hãy xử sự như thế đối với kẻ bắt bớ mình. Các bản phúc âm kể rằng màn che trong đền thờ đã bị xé ra làm hai như là một dấu chỉ rằng giao ước cũ đã chấm dứt. Chúa Giêsu chết sau khi phó thác sự sống trong tay Chúa Cha. Viên cai lính Rôma xúc động trước cái chết của Ngài, thú nhận rằng Chúa Giêsu vô tội.

Họ dẫn Ngài đi, và bắt Simon người Xyrêne trên đường đi làm vác thập giá đi sau Chúa Giêsu. Một đám đông theo Ngài. Đặc biệt có mấy người phụ nữ than khóc

nước nở, kẻ lẻ đi theo. Chúa Giêsu quay mặt về phía họ và nói: "Hỡi các thiếu nữ Giêrusalem, đừng có khóc thương Ta; hãy khóc thương chính các ngươi và con cái các ngươi. Sẽ có ngày các ngươi nói: "Phúc cho những người son sẻ và bụng dạ không mang thai và vú không hề cho bú". Rồi họ sẽ nói với núi non: "hãy đè trên chúng tôi!" và các đồi cao: "hãy bao che chúng tôi". Bởi vì nếu họ đã xử với cây xanh như thế này, thì cây khô sẽ phải như thế nào?"

Cũng có hai người phạm tội khác cùng bị xử tử với Ngài. Khi họ đến nơi gọi là "Núi Sọ", họ đóng đinh Ngài ở đó với hai người tội phạm, một người bên phải và một người bên trái. Chúa Giêsu nói: "Lạy Cha, hãy tha thứ cho họ vì họ không biết việc họ làm".

Người ta bắt thăm để chia nhau áo của Ngài. Dân chúng đứng đó theo dõi. Còn những người lãnh đạo thì chế diễu Chúa Giêsu: "Nó đã cứu sống kẻ khác, hãy cứu chính mình nếu nó là Đấng Kitô của Thiên Chúa, Đấng đã được chọn".

Các binh lính cũng chế diễu Ngài. Họ đến gần, đưa cho Ngài dấm chua và nói: "Nếu ông là vua của người Do Thái, hãy cứu lấy mình đi".

Người ta viết một bảng chữ gắn đầu Ngài: "Người này là Vua Do Thái".

Một người tội phạm cũng bị treo bên cạnh Ngài xỉ nhục Ngài như sau: "Nếu người là Đức Kitô, thì hãy cứu lấy mình và cứu chúng ta!"

Nhưng người bên kia trả lời: "Mày không kính sợ Thiên Chúa gì cả. Mày cũng bị một bản án như Ngài, nhưng trường hợp của chúng ta là đích đáng và chúng ta phải trả giá cho những việc làm của chúng ta. Còn người này có làm gì sai trái đâu?" Rồi ông nói thêm: "Hỡi ông Giêsu, hãy nhớ đến tôi khi ông trở về Vương Quốc của ông".

Chúa Giêsu đáp lời ông: "Hôm nay, ông sẽ ở với Ta trên thiên đàng".

Lúc đó đang giữa trưa, thành linh tối tăm bao trùm cả vùng cho tới chiều tối. Màn trong Đền Thờ bị xé rách ở giữa. Và Chúa Giêsu kêu lớn tiếng: "Lạy Cha, con phó thác hồn con trong tay Cha".

Sau khi nói như thế, Ngài thở hơi cuối cùng. Khi chứng kiến cảnh tượng này, người cai lính ca tụng Chúa và nói: "Chắc chắn người này vô tội". Và tất cả dân chúng tụ họp thấy thế vừa đấm ngực vừa trở về nhà. Các bạn hữu của Chúa Giêsu và những người phụ nữ đã theo Ngài từ Galilê thì đứng ở đằng xa theo dõi sự việc. (Lc 23,26-49)

Những người bị hành quyết được chôn ngay ở nơi chết. Chỉ khi có những người bà con và bạn bè can thiệp thì có thể được an táng. Một người trong Hội Đồng, ông Giuse người Arimatê, một người theo Chúa âm thầm, can đảm đến trước mặt Philatô xin xác Chúa Giêsu. Vì thế Chúa Giêsu được an táng tử tế. Những phụ nữ từ Galilê đã chứng kiến cái chết của Ngài. Họ là những người đầu tiên loan tin về việc Chúa sống lại.

Có một người trong Hội Đồng tên là Giuse, một người công chính và tốt lành, đã không đồng ý với các quyết định và hành động của người Do Thái. Ông ta gốc vùng Arimatê, một làng xứ Giuđêa. Ông đã trông đợi nước Thiên Chúa. Người này đến gặp Philatô và xin xác Chúa Giêsu. Ông đem xác Chúa xuống, lấy vải bọc lại và đặt trong một ngôi mộ được đào trong hốc đá, chưa có ai chôn ở đó. Hôm đó là ngày chuẩn bị lễ cho ngày Vượt Qua và ngày Sabbah bắt đầu. Một số người phụ nữ đã từ Galilê đến với Chúa Giêsu, theo Giuse. Các bà xem mộ và dự lễ an táng Ngài. Sau đó họ trở về và chuẩn bị các thuốc thơm và dầu xức. Ngày Sabát, các bà phải giữ luật nghỉ ngơi. (Lc 23,50-56)

Ngày "thứ nhất trong tuần" là ngày tiếp theo sau ngày nghỉ Sabat. Đối với người Kitô ngày đó trở thành "ngày của Chúa" hay "ngày Chúa Nhật" bởi vì trong ngày đó họ tưởng niệm cuộc Phục Sinh của Chúa Giêsu.

Hai sứ giả của Thiên Chúa đã trách mấy người phụ nữ vì không có đức tin đủ khi thấy ngôi mộ trống. Lời trách mắng này có thể áp dụng cho tất cả những người còn đi tìm kiếm Chúa Giêsu giữa kẻ chết. Lời tiên báo của Chúa Giêsu đã thực hiện. Ngài đã được sống lại.

Vào ngày thứ nhất trong tuần, ngay từ sáng sớm, mấy người phụ nữ đến mộ, mang theo thuốc thơm đã chuẩn bị. Họ thấy tảng đá chặn cửa đã lăn ra khỏi mộ, và khi họ bước vào mộ họ không thấy xác của Chúa Giêsu. Họ hoang mang khi hai người mặc áo trắng đứng bên cạnh họ. Vì khiếp sợ; họ cúi mặt nhìn xuống, nhưng hai người đã nói với họ: "Tại sao các bà đi tìm Người Sống ở giữa kẻ chết? Ngài không còn ở đây. Ngài đã sống lại rồi. Hãy nhớ lại lời Ngài đã nói ở Galilê: "Con Người sẽ bị giao nộp vào tay những người tội lỗi và bị đóng đinh, nhưng ngày thứ ba Ngài sẽ sống lại". Khi ấy họ mới nhớ lại những lời của Chúa Giêsu.

Họ ra khỏi mộ, đi nói lại các sự việc cho nhóm mười một và tất cả các người khác. Mấy người phụ nữ đó là Maria Mađalêna và Gioanna Maria, mẹ của Giacôbê. Những người phụ nữ khác cũng nói ý như thế với các tông đồ. Nhưng các ông coi những lời của các bà quả là mơ tưởng và các ông không tin lời họ. Tuy nhiên, Phêrô đã chạy tới mộ; ông cúi đầu vào trong và thấy vải liệm còn

nằm ở đó, ngoài ra không thấy gì khác. Ông ta trở về nhà, ngạc nhiên trước các sự việc xảy ra. (Lc 24,1-12)

Luca kể lại chuyện "các môn đệ trên đường Emmau". Hai môn đệ chán nản vì các biến cố của ngày Thứ Sáu. Niềm hy vọng họ đặt nơi Chúa Giêsu đã tiêu tan. Vì thế họ trở về lại làng Emmau, cách Giêrusalem 11 cây số. Một người khách lạ cùng đi với họ; ông giải thích cho họ lời của Thiên Chúa và khơi dậy trong họ niềm hy vọng. Nhưng mãi tới khi bẻ bánh (một kiểu nói được các tín hữu ban đầu dùng để chỉ Thánh Thể) mắt họ mới mở ra. Họ nhận ra Đức Kitô Phục Sinh. Họ chuyển biến từ thất vọng sang hy vọng; từ hoài nghi đến đức tin. Họ lại lên đường trở về Giêrusalem đầy lòng tin. Họ lại lên đường trở về Giêrusalem đầy lòng tin.

Cũng chính ngày hôm đó, hai môn đệ đang đi trên đường đến làng Emmau, cách Giêrusalem chừng hai dặm. Họ nói với nhau về những việc đã xảy ra. Trong lúc họ trò chuyện và tranh luận thì chính Chúa Giêsu đến gần và cùng đi với họ. Nhưng mắt họ như bị màn che khuất nên không nhận ra Ngài. Chúa Giêsu hỏi họ: "Các anh đang nói với nhau chuyện gì trên đường đi vậy?"

Họ ngừng lại mặt buồn rầu. Một người trong họ tên là Clêôpa trả lời: "Chỉ có ông là người duy nhất ở Giêrusalem lại không biết những việc xảy ra trong những ngày này".

Ngài nói với họ: "Những việc gì vậy?"

Họ trả lời: "Chuyện Giêsu Nazaret. Ngài là một ngôn sứ cao cả từ lời nói đến việc làm trước mặt Thiên Chúa và dân chúng. Các thượng tế và người lãnh đạo của chúng ta đã giao nộp Ngài để bị kết án phải chết và đóng đinh Ngài. Chúng tôi đã hy vọng rằng Ngài sẽ giải thoát Israel. Thế mà ba ngày đã trôi qua từ khi các việc đó xảy ra. Mấy người phụ nữ trong nhóm chúng tôi đã làm chúng tôi hoang mang. Họ đến mộ từ sáng sớm và đã không thấy xác của Ngài. Họ lại nói các thiên thần quả quyết với họ là Ngài còn sống. Vài người trong chúng tôi cũng đến mộ và thấy sự việc như các người phụ nữ đã nói, nhưng họ không nhìn thấy Ngài đâu cả".

Chúa Giêsu nói với họ: "Các anh sao chậm hiểu, chậm tin về những gì các sứ ngôn đã loan báo! Đấng Kitô phải chịu đau khổ rồi mới tới vinh quang, việc đó đã không từng được công bố hay sao?"

Rồi đi từ Môisen, tiếp đến các ngôn sứ, Ngài giải thích cho họ các đoạn Kinh Thánh liên quan đến Ngài. Khi họ tới gần làng, Ngài tảng lờ như cứ tiếp tục đi. Nhưng họ nài nỉ Ngài dừng lại với họ: "Trời gần tối rồi và ngày cũng sắp tàn, xin ông ở lại với chúng tôi".

Và Ngài đã ở lại với họ. Ngài ngồi vào bàn cầm lấy bánh, chúc tụng và bẻ ra, trao cho họ. Lúc đó mắt họ mở ra và nhận biết Ngài. Nhưng ngài đã biến đi. Họ nói với nhau: "Tâm hồn chúng ta đã không sốt nóng khi Ngài nói với chúng ta trên đường đi và cắt nghĩa Thánh Kinh cho chúng ta sao?"

Họ lập tức lên đường trở về Giêrusalem. Họ tìm nhóm mười một đang tụ họp với những người của họ. Tất cả cùng quả quyết: "Chúa đã sống lại thật và đã hiện ra với Simon". Và họ đã thuật lại tất cả những việc xảy ra trên đường và làm sao họ đã nhận biết Ngài lúc bẻ bánh. (Lc 24,13-35)

Phúc âm của Gioan thuật lại hai cuộc gặp gỡ khác của Chúa Kitô Phục Sinh với các môn đệ ở Giêrusalem. Quà tặng quý giá nhất của Chúa Giêsu Phục Sinh là bình an. Bình an bao gồm tất cả những gì Thiên Chúa đã hứa: sự sống, hạnh phúc, tình thương, hiệp thông với Thiên Chúa. Bình an này là hoa trái của cái chết của Ngài. Các vết thương của Ngài là một nhắc nhở về cuộc khổ nạn của Chúa Giêsu. Nó cũng là dấu chỉ rằng Chúa Giêsu Phục Sinh cũng là người đã chịu chết trên cây thánh giá. Chúa Kitô Phục Sinh sai các môn đệ của Ngài tiếp tục công việc của Ngài. Vì thế họ đã nhận lãnh Chúa Thánh Thần.

Vào buổi chiều cùng ngày, ngày thứ nhất trong tuần, các môn đệ ở trong nhà đóng kín cửa vì sợ người Do Thái. Lúc ấy Chúa Giêsu đến và ở giữa họ. Ngài nói: "Bình an cho các con!"

Khi Ngài đã nói điều đó xong, Ngài cho họ xem tay và cạnh sườn Ngài. Các môn đệ tràn ngập vui sướng khi gặp lại Chúa. Chúa Giêsu lại nói: "Bình an cho các con! Như Cha đã sai Thầy, Thầy cũng sai các con đi".

Ngài thổi hơi trên họ và nói: "Các con hãy nhận lấy Chúa Thánh Thần. Các con tha tội ai, họ được tha khỏi tội, các con cầm buộc ai, họ bị cầm buộc". (Gioan 20,19-23)

Các môn đệ làm chứng việc Chúa Giêsu Phục Sinh đã hiện ra với họ và kể lại cho Tôma hay. Nhưng Tôma muốn bằng chứng trực tiếp; ông không hài lòng với lời của những người khác. Chúa hiện ra với ông. Bây giờ ông nhìn nhận Ngài là Chúa và là Thiên Chúa. Các lời của ông cũng là lời tuyên xưng đức tin của cộng đồng Kitô hữu thời sơ khai.

Mối Phúc được phúc âm nói đến sau cùng dành cho những người chính mình không thấy mà vẫn tin theo chứng từ của người khác. Tôma, một trong nhóm mười hai, gọi là kẻ sinh đôi, đã có mặt với họ khi Chúa Giêsu hiện đến. Các môn đệ khác nói với ông: "Chúng tôi đã xem thấy Chúa".

Nhưng ông đáp: "Trừ khi tôi thấy lỗ đinh xuyên qua tay Ngài và có thể thọc ngón tay vào các lỗ đinh đó và trừ khi tôi thọc được bàn tay tôi vào cạnh sườn Ngài, nếu không tôi không tin".

Tám ngày sau các môn đệ đang hội họp và có cả Tôma ở với họ. Cửa vẫn đóng kín nhưng Chúa Giêsu hiện đến, Ngài nói: "Bình an cho các con!" Rồi Ngài nói với Tôma: "Con hãy xỏ ngón tay con vào đây và thọc bàn tay con vào cạnh sườn. Đừng nghi ngờ nữa, nhưng hãy tin".

Tôma đáp: "Lạy Chúa tôi, Lạy Thiên Chúa của tôi!"

Chúa Giêsu nói với ông: "Con tin vì con đã thấy. Phúc cho những người không thấy mà tin!" (Gioan 20,24-29)

Khác với Luca và Gioan, Matthêu kết thúc phúc âm bằng một cảnh tượng uy nghiêm Chúa sai các môn đệ đi rao giảng tin mừng, cảnh tượng xảy ra trên một ngọn núi vùng Galilê. Chính trên cùng một ngọn núi vùng Galilê, Chúa Giêsu đã ban bố "bài giảng trên núi". Bây giờ Chúa lại hiện ra với các môn đệ như là Chúa Phục Sinh. Ngài ủy thác cho các vị một sứ mạng cao cả. Các môn đệ cần phải vượt biên thù Israel để loan báo tin mừng Chúa Giêsu trong toàn cõi địa cầu. Điều kiện để trở thành môn đệ Đáng Phục Sinh là phải lắng nghe và thi hành lời dạy của Chúa Giêsu Nadarét.

Mười một môn đệ trải đi Galilê đến một ngọn núi Chúa Giêsu đã hẹn gặp họ. Khi họ thấy Ngài, họ sấp mình xuống trước mặt Ngài. Nhưng một vài người còn do dự. Chúa Giêsu tiến tới và nói với họ: "Mọi quyền năng trên trời và dưới đất đã được ban cho Ta. Các con hãy đi và làm cho mọi dân tộc nên môn đồ, hãy rửa tội cho họ nhân danh Cha, và Con và Thánh Thần. Hãy dạy cho họ tuân giữ các lệnh truyền ta đã cho các con. Ta ở với các con luôn mãi cho đến ngày tận thế". (Mt 28,16-20)

Duy chỉ có mình Luca thuật lại lần hiện ra sau cùng của Chúa Kitô Phục Sinh và việc Ngài trở về với Chúa Cha như là một biến cố trông thấy được. Lời chúc lành của Chúa Giêsu lúc từ biệt cũng là lời hứa Ngài sẽ ở lại mãi mãi với con người. Chính vì thế mà các môn đệ lúc không còn thấy Đấng Phục Sinh nữa thay vì buồn rầu, thì vui mừng và sẵn sàng thực hiện công việc của Chúa Giêsu. Luca thuật lại các việc làm của họ trong sách "Tông Đồ Công Vụ", nối tiếp phúc âm của ông.

Thế rồi Ngài dẫn họ tới Bêtani và giơ tay lên chúc lành. Sau đó Ngài từ giã họ để về trời. Các vị sấp mình thờ lạy và sau đó khắp khởi trở về Giêrusalem. Họ tiếp tục sống trong giáo hội và ngợi khen Thiên Chúa. (Lc 24,50-53)

8. "Các con sẽ là nhân chứng của Ta cho đến tận cùng trái đất"

Sách thứ hai của Luca khởi đầu chưa mang tên nào rõ rệt. Sau này người ta mới đặt tên là "Công Vụ Tông Đồ". Luca không có ý định kể cho chúng ta hết các việc làm của các Kitô hữu thời sơ khai. Ông chứng minh trong sách của ông sứ điệp của Chúa Giêsu được các môn đệ phổ biến "đến tận cùng trái đất" nhờ hoạt động của Chúa Thánh Thần. Tin Mừng này cống hiến cho mọi người. Luca cho thấy lúc bấy giờ nó được loan báo cho người ngoại giáo, chứ không riêng gì cho người Do Thái.

Trong phần thứ nhất, mô tả cuộc sống của cộng đoàn đầu tiên dưới sự hướng dẫn của Phêrô. Sau đó, ông tường thuật sự triển nở của Giáo Hội ở giữa những người không phải là Do Thái. Để thực hiện và củng cố tiến trình chuyển tiếp từ dân Do Thái đến dân ngoại, Thiên Chúa đã tuyển chọn một người Do Thái tên là Saulô hay Phaolô, người đã từng bách hại Giáo Hội Chúa Kitô trong thời sơ khởi. Luca dành phần cuối cuốn Công Vụ để tường thuật các hoạt động của Phaolô.

Luca bắt đầu bản tường thuật Tông Đồ Công Vụ bằng cách nối tiếp phần kết của Phúc Âm, nhưng ở đây ông nhấn mạnh đến các môn đệ và việc họ làm. Chúa Kitô Phục Sinh vẫn còn ở với các môn đệ và cho họ những giáo huấn cuối cùng về Giáo Hội mới khai sinh của Ngài. Các môn đệ sẽ

là những nhân chứng của Ngài, trước tiên tại Giêrusalem, rồi sau đó vượt ranh giới Giêrusalem đến giữa dân ngoại "cho đến tận cùng trái đất". Chúa Thánh Thần sẽ trợ giúp họ trong sứ mệnh này.

Trong bữa tiệc cuối cùng, Ngài truyền lệnh cho họ đừng bỏ Giêrusalem, nhưng hãy đợi cho lời hứa của Chúa Cha được hoàn tất: "Gioan thanh tẩy bằng nước, nhưng các con, chỉ ít lâu nữa, sẽ được thanh tẩy bằng Thánh Thần".

Bấy giờ những kẻ có mặt hỏi Ngài: "Lạy Chúa, nay Chúa sẽ phục hồi lại nước Israel chăng?"

Và Ngài trả lời họ: "Các con không thể biết ngày giờ mà Chúa Cha đã định đoạt do quyền năng của Ngài. Nhưng các con sẽ nhận lãnh quyền năng của Thánh Thần đến trên các con, và từ đó các con sẽ là chứng nhân của Ta không những tại Giêrusalem mà khắp các miền Giuđêa, Samaria và cho tới những tận cùng trái đất". (TĐCV 1,4-8)

Năm mươi ngày sau lễ Vượt Qua người Do Thái mừng lễ tạ ơn sau mùa gặt (lễ ngũ tuần). Đồng thời nó còn mang ý nghĩa kỷ niệm Chúa ban luật cho Môisen trên núi Sinai. Tất cả người Do Thái đã trưởng thành lên Giêrusalem để mừng lễ. Các môn đệ của Chúa Giêsu cũng có mặt tại Giêrusalem trong dịp này theo như lệnh của Chúa Giêsu đã truyền.

Chúa Thánh Thần đến trên họ. Những hình ảnh mà cuốn Công Vụ dùng trong bản tường thuật (lửa, gió...) gợi lại sự xuất hiện của Chúa trên núi Sinai. Những lưỡi lửa hiện ra trên họ ám chỉ sự hiện diện của Chúa Thánh Thần để Tin Mừng của Chúa Giêsu được loan truyền bằng đủ thứ ngôn ngữ. Các người Do Thái từ nhiều quốc gia khác nhau, lúc này về Giêrusalem dự lễ, là những chứng nhân của biến cố này. Trong bài giảng của mình, Phêrô nói với tất cả người Do Thái tụ họp ở Giêrusalem.

Khi ngày lễ Ngũ Tuần đến, họ họp nhau lại. Thịnh linh có tiếng động từ trời đến tựa như cơn gió rít tràn ngập vào nhà. Bấy giờ họ thấy những lưỡi lửa chia ra đến đậu trên mỗi người. Họ được đầy Thánh Thần và bắt đầu nói các thứ tiếng lạ theo như Thánh Thần ban cho họ.

Lúc đó, có những người Do Thái sùng đạo từ mọi nơi tuôn về. Nghe chuyện xảy ra, họ tràn đến xem và ngạc nhiên khi mỗi người nghe được tiếng nói của nơi mình định cư. Họ sững sờ nói với nhau: "Những người đang nói không phải là người Galilê sao? Vậy làm sao chúng ta lại nghe mỗi người theo mỗi ngôn ngữ của miền chúng ta định cư? Người Patia, người Mêđê, người Elamit, người cư ngụ tại Mêsôpôtami, Giuđêa, Capadôcia, Pontô và Asia, Prygia, Pamphylia, Ai Cập và những tỉnh xứ Lybia chung quanh Xyrênê, Rôma, Do Thái và tân tông, người Crêta và Arập.

Chúng ta nghe họ ca tụng những việc lạ lùng của Thiên Chúa bằng ngôn ngữ của chúng ta!"

Họ đã không thể cắt nghĩa được nên hỏi nhau: "Điều này có nghĩa là gì?"

Tuy nhiên một vài người cười nhạo và nói: "Những người này say khướt cả rồi". (TĐCV 2,1-13)

Chúa Thánh Thần đã biến đổi các môn đệ. Từ sợ hãi họ trở thành những chứng nhân can đảm. Họ làm chứng về đức tin của họ trước đám đông. Phêrô giải thích rằng việc Chúa Thánh Thần đến là hoàn tất lời hứa xưa: một thời đại mới bắt đầu, thời đại của Giáo Hội và Chúa Thánh Thần. Như Chúa Thánh Thần đến trên Chúa Giêsu lúc bắt đầu các hoạt động công khai, thì Chúa Thánh Thần cũng đến trên các môn đệ lúc bắt đầu thời đại của Giáo Hội. Nhưng việc Chúa Thánh Thần đến cũng là một dấu chỉ rằng Chúa Giêsu vẫn sống và là Đấng Thiên Sai Chúa hứa, là Vua của thế giới. Chúa Giêsu thông ban Chúa Thánh thần cho các môn đệ như Thiên Chúa đã làm trong Cựu Ước. Từ đây, Chúa Giêsu hiện diện trong Giáo Hội qua Chúa Thánh Thần và nhờ Chúa Thánh Thần Ngài điều khiển toàn thể cuộc sống của Giáo Hội.

Phêrô đứng chung với mười một môn đệ, lên tiếng nói với dân chúng: "Hỡi các người Do Thái cư ngụ tại

Giêrusalem, hãy lắng tai nghe những lời tôi nói và hiểu cho rõ. Những người này không say sưa như quý vị tướng, bởi vì mới vừa sáng. Trái lại, đây là điều ngôn sứ Joel đã nói trước:

"Thiên Chúa nói, trong những ngày cuối cùng,
Ta sẽ đổ Thần Trí Ta trên mọi người.
Con Trai cả con gái các người sẽ nói tiên tri,
các thiếu niên sẽ thấy thị kiến
và những người già lão sẽ có những giấc mộng.
Và trong những ngày ấy,
Ta sẽ đổ Thần Trí Ta trên các tôi tớ và nữ tỳ của Ta
và họ sẽ nói tiên tri.
Ta sẽ chỉ cho thấy những sự lạ trên trời
và những điềm chỉ trên trái đất:
máu, lửa và những cột khói.
Mặt trời sẽ ra tối tăm và mặt trăng sẽ trở thành máu,
trước ngày của Chúa xảy đến,
ngày trọng đại và vinh quang.
Và những người kêu cầu tên Chúa sẽ được cứu thoát".

(Jl 3,1-5)

Hỡi những người Israel hãy lắng nghe những lời này:
"Giêsu thành Nazaret là người Thiên Chúa trao phó cho
các người qua các phép lạ, các kỳ công và dấu chỉ mà
Thiên Chúa thực hiện qua Ngài. Chính Giêsu theo chương
trình của Thiên Chúa được giao nộp cho các người, các

người đã đóng đinh, giết chết bởi tay những người vô đạo. Nhưng Thiên Chúa đã cho Ngài sống lại; Thiên Chúa đã cỗi bỏ khỏi ách sự chết không thể cầm buộc được Ngài. Đúng như lời David nói về Ngài:

"Tôi thấy Chúa luôn ở trước mặt tôi,
ở bên tôi để nâng đỡ tôi.

Vì đó mà lòng tôi luôn hân hoan,
lưỡi tôi hát lên vui mừng,
và thân xác tôi tràn đầy hy vọng.

Vì Chúa sẽ không để mặc linh hồn tôi phải hư mất,
cũng không để người trung tín phải chịu đựng hư nát.
Chúa chỉ cho tôi con đường sống,

Chúa sẽ đổ tràn đầy hân hoan vì sự hiện diện của Chúa". (TV 16,8-11)

Anh em thân mến, tôi thành thật nói với anh em, không ai có thể chối rằng tổ phụ David đã chết, được an táng và mộ của người vẫn ở giữa chúng ta. Nhưng ngài là ngôn sứ và đã biết rằng Thiên Chúa đã thề hứa với ngài là một người trong dòng dõi sẽ ngồi trên ngài. Vì vậy mà ngài đã nhìn thấy trước và loan báo sự phục sinh của Đức Kitô khi ngài nói rằng linh hồn ngài không bị rơi vào địa ngục, cả thân xác ngài cũng không bị hư nát. Đáng Kitô này, cũng là Đức Giêsu, đã được Thiên Chúa cho sống lại như chúng tôi đã làm chứng. Ngài được cánh tay Thiên Chúa nâng lên, đã nhận từ Thiên Chúa Thánh Thần như Chúa

hứa, và phân ban Chúa Thánh Thần. Và vì thế các người đã thấy và đã nghe. Vì David đã không lên trời, nhưng ông nói:

Chúa nói cùng Chúa tôi rằng:

"Con hãy ngồi bên hữu Cha,

Cho đến khi Cha đặt kẻ thù làm bệ kê chân cho con".

(TV 110,1)

Vậy tất cả nhà Israel hãy xác tín rằng Đức Giêsu mà quý vị đã đóng đinh trên thập giá đã được Thiên Chúa tôn là Chúa và là Đức Kitô".

Khi họ nghe điều này họ đều xúc động và nói với Phêrô và các tông đồ: "Vậy hỡi các ông, chúng tôi phải làm gì?"

Phêrô nói: "Hãy thống hối. Hãy chịu phép rửa nhân danh Đức Giêsu Kitô để được ơn tha thứ khỏi tội. Quý vị sẽ được ơn Chúa Thánh Thần, vì lời hứa là để dành cho quý vị và các con cháu, cũng như cho tất cả những ai từ xa, tất cả những người mà Thiên Chúa sẽ kêu gọi đến với Ngài".

Phêrô còn dùng nhiều lời khác khuyên nhủ họ như sau: "Quý vị hãy tránh xa thể hệ hư hỏng này".

Những người đón nhận lời Phêrô đã chịu phép rửa tội. Nguyên ngày hôm đó có khoảng ba ngàn người gia nhập cộng đoàn. Họ trung thành với các lời giảng dạy của các tông đồ, với tình huynh đệ, với việc bẻ bánh và trong việc cầu nguyện. (TĐCV 2,14-42)

Luca diễn tả sự sống của cộng đoàn sơ khai trong hai bài tường thuật, có thể ông muốn đưa ra một mẫu mực lý tưởng. Quyền năng của Chúa Thánh Thần giúp cho các môn đệ sống chung với nhau thân thiết. Họ cùng kinh nguyện ở đền thờ, cử hành Thánh Thể và chia sẻ các tài sản. Không ai túng thiếu. Sự liên đới này có tính cách hồn nhiên và tự nguyện. Kiểu sống này lôi cuốn nhiều người và số người theo Chúa Giêsu mỗi ngày một thêm đông.

Các tín hữu sống đoàn kết với nhau và để của cải làm của chung. Họ bán tài sản và chia sẻ giữa họ với nhau, tùy theo nhu cầu của mỗi người. Họ đi lên đền thờ hằng ngày; họp tại các nhà tư để bẻ bánh, họ dùng bữa một cách hoan hỉ và thánh thiện. Họ ca tụng Chúa và được dân chúng mến mộ. Chúa đã thêm số những người được cứu rỗi cho Giáo Hội. (TĐCV 2,44-47)

Nhóm các tín hữu bấy giờ chỉ có một tấm lòng và một linh hồn. Không ai nghĩ những cái đang có là của riêng mình, nhưng họ bỏ mọi cái làm của chung. Các tông đồ mạnh dạn làm chứng về sự sống lại của Chúa Giêsu và các

ngài được mọi người mến mộ. Không ai trong họ phải thiếu thốn. Tất cả những ai có nhà cửa ruộng vườn đều đem bán và đưa tiền đặt dưới chân các tông đồ. Số tiền sẽ được phân chia cho mỗi người tùy nhu cầu. (TĐCV 4,32-35)

Cộng đoàn sơ khai không phải luôn luôn có các bạn hữu và những người có cảm tình. Cách sống, những thành công cũng như những vụ chữa lành bệnh cách lạ lùng nhờ danh Chúa Giêsu đã khơi dậy sự chống đối và ghen ghét của các giới cầm quyền Do Thái. Các tông đồ đã có thời bị giam tù và cuộc bách hại cộng đoàn đã bùng nổ. Bị bách hại nhiều nhất là cộng đoàn của thầy phó tế Stêphanô. Ngài là người tử đạo tiên khởi của Giáo Hội thuở ban đầu. Như Chúa đã làm Stêphanô lúc chết đã tha thứ cho các kẻ thù của mình.

Các tín hữu bị xua đuổi khỏi Giêrusalem, nhưng đây là lúc các môn đệ mở rộng công việc truyền giáo ra ngoài thành phố. Nhờ vậy các cộng đoàn nhỏ đã được khai sinh nhiều nơi ở Giuđêa và Samaria. Trong bầu không khí bất bớ này, nổi bật tên của một người mà Thiên Chúa đã chỉ định làm tông đồ của dân ngoại, Saulô cũng gọi là Phaolô.

Khi họ nghe những điều Stêphanô nói, các thành viên của Hội Đồng nổi giận và nghiến răng. Nhưng Stêphanô, được đầy Chúa Thánh Thần, đã ngước mắt lên trời. Ngài

nhìn thấy vinh quang của Thiên Chúa và Đức Giêsu đứng bên hữu. Ngài nói rằng: "Tôi nhìn thấy trời mở ra, và Con Người đang đứng bên phải Thiên Chúa".

Nghe vậy họ kêu lớn tiếng và bịt tai lại, rồi họ lôi Stêphanô ra khỏi thành ném đá cho chết. Các người chứng kiến bỏ áo dưới chân một người trẻ tên là Saulô. Trong khi bị ném đá Stêphanô kêu cầu Chúa và nói:

"Lạy Chúa Giêsu, xin hãy nhận linh hồn con".

Rồi ngài quỳ gối xuống kêu lớn tiếng: "Lạy Chúa xin đừng kết tội họ vì việc này".

Nói xong, ngài tắt thở.

Saulô đồng tình với việc giết Stêphanô. Chính ngày hôm đó một cuộc bách hại dữ dội chống lại cộng đoàn tại Giêrusalem. Ngoại trừ các tông đồ, mọi người đã trốn ra miền quê thuộc Giuđêa và Samaria. Tuy nhiên có mấy người nhiệt thành đã lấy xác Stêphanô, chôn cất và than khóc ngài. Còn Saulô thì để hết tâm tiêu diệt Giáo Hội. Ông đi từ nhà này sang nhà khác để bắt hết đàn ông đàn bà bỏ tù (TĐCV 7,54-8,3)

Trước khi trở lại, Saulô nghĩ rằng các Kitô hữu không sống đúng với lề luật Do Thái, bất trung với đức tin truyền

thống. Vì thế, ông không ưa gì Kitô hữu và muốn gây tổn thương cho họ. Nhưng, khi bắt bớ Kitô hữu, thì Saulô lại bắt bớ chính Chúa, vì Ngài hiện diện trong Giáo Hội của Ngài và làm cho Giáo Hội đó được sống. Trên đường bắt hại Kitô hữu như thế, ông lại nghe tiếng gọi của Chúa Giêsu Phục Sinh và trở thành môn đệ Ngài. Sự hồi tâm trở lại của ông do từ Thiên Chúa, chứ không phải công lao nơi ông. Phaolô nói rõ việc đó trong thư ngài gởi cho người Galata. Ngài biết được Tin Mừng Chúa Giêsu do Đấng đã Sống Lại. Vì thế ngài đã trở nên tông đồ như những vị mà Đức Giêsu Nadarét đã chọn trước đây.

Saulô, hăm hở tìm bắt các môn đệ Chúa Giêsu và đi tìm thầy cả thượng phẩm để xin thư giới thiệu đi về các hội đường ở Đamascô, bắt những người theo Chúa Kitô, đàn ông cũng như đàn bà, và đem giải họ về Giêrusalem. Trên đường đi, khi ông tới gần Đamascô, thì một luồng sáng từ trời bỗng chiếu giải chung quanh ông. Ông té xuống đất và nghe một tiếng nói bảo ông: "Saulô, Saulô, tại sao ông bách hại Ta?"

Ông đáp: "Bẩm Ngài, Ngài là ai?"

Chúa nói: "Ta là Giêsu ông đang bách hại. Hãy chỗi dậy và đi vào thành và ông sẽ được nói cho biết phải làm gì".

Những người cùng đi với ông ngỡ ngàng đứng lặng thinh. Họ nghe thấy tiếng nói nhưng không thể nhìn thấy ai. Saulô chỗi dậy và mặc dầu mắt ông mở nhưng không nhìn thấy gì nữa. Rồi họ cầm tay dẫn ông vào Đamascô. Ông ở lại đây ba ngày, mắt không thấy và ông không ăn uống gì. (TĐCV 9,1-9)

"Phaolô, là tông đồ, không phải được loài người tuyển chọn cũng không do trung gian của ai, nhưng do chính Chúa Giêsu Kitô và Thiên Chúa đã cho Người từ cõi chết sống lại.

Thưa anh em, tôi phải nói rõ ràng cho anh em rằng Phúc Âm mà tôi rao giảng không phải là một sứ điệp của loài người; tôi không học biết cũng không tiếp nhận từ một người nào, nhưng do chính Đức Giêsu mạc khải. Anh em đã nghe về thái độ của tôi trước đây khi còn ở trong đạo Do Thái, tôi đã bắt bớ Giáo Hội của Chúa như thế nào và bao nhiêu thiệt hại tôi đã gây ra cho Giáo Hội. Tôi vượt hơn những người Do Thái cùng thế hệ vì lòng nhiệt thành tuân giữ các truyền thống tổ tiên. Thế nhưng điều làm đẹp lòng Chúa là việc Chúa đã tuyển chọn tôi ngay từ khi mới sinh và kêu gọi tôi bằng ơn sủng của Ngài, mạc khải Con Ngài cho tôi, để tôi có thể rao giảng Phúc Âm về Người giữa dân ngoại. Tôi không hề tranh luận điều này với bất cứ một người nào, cũng không đi lên Giêrusalem để gặp những

người đã từng là tông đồ trước tôi, nhưng tôi thắng tới Arập và sau đó trở lại Đamascô". (Ga 1,11-17)

Trong khi Phaolô rao giảng Chúa Giêsu là Con Thiên Chúa trước cộng đoàn Do Thái ở Đamascô, thì Phêrô viếng thăm các cộng đoàn Kitô gốc Do Thái thuộc vùng duyên hải gần Tel-Aviv ngày nay. Cho đến bây giờ các cộng đoàn Kitô hoàn toàn chỉ có những người trở lại từ đạo Do Thái. Nhưng một điều không ngờ đã xảy đến, chính Thiên Chúa đã can thiệp hướng dẫn Phêrô đi vào nhà người dân ngoại, ngược với ý muốn của ông. Khi Phêrô bắt đầu trình bày Phúc Âm thì Thánh Thần ngự xuống trên những người ngoại quốc. Đây là một dấu chỉ rõ ràng cho người Kitô gốc Do Thái biết rằng Thiên Chúa cũng đã kêu gọi những người không phải là Do Thái vào Giáo Hội. Cộng đoàn Kitô không Do Thái đầu tiên đã được thiết lập tại nhà ông Cornêliô.

Phêrô cùng đi với những người do Cornêliô sai đến, có một số người từ Giopha hộ tống, và ngày hôm sau thì tới Cêrarêa. Cornêliô đang đợi họ và mời những người họ hàng cũng như bạn bè thân thuộc.

Khi Phêrô bước đến, Cornêliô ra đón và quỳ xuống dưới chân ông. Phêrô nâng ông dậy và nói: "Hãy đứng thẳng dậy, tôi cũng là người như mọi người khác".

Vừa nói chuyện vừa bước vào nhà, ông thấy đã có một nhóm người tụ họp ở đó, ông liền nói: "Ông biết rằng người Do Thái không được phép nhập bọn với người khác dòng giống hay thăm viếng họ. Nhưng Thiên Chúa đã tỏ cho tôi rằng tôi không được gọi một người nào là "dơ bẩn" hay ô uế cả. Đó là lý do tôi không phản đối việc đến đây khi tôi được ông mời. Nhưng tôi muốn biết đích xác tại sao ông lại mời tôi đến".

Cornêliô đáp: "Bốn ngày trước đây khi tôi đang cầu nguyện tại nhà, lúc giữa trưa, thì thành linh tôi nhìn thấy một người ở trước mặt tôi mặc áo sáng chói. Người đó nói: "Hỡi Cornêliô, Thiên Chúa đã nghe lời cầu nguyện của ngươi và nhớ đến công quả của ngươi. Hãy sai người đến Giopha tìm Simon được gọi là Phêrô. Ông ấy đang trú ở nhà ông Simon thợ làm da gần biển". Vì thế tôi sai người đi mời ông, và ông đã có lòng đến. Chúng tôi tụ họp nhau trước mặt ông để nghe sứ điệp Thiên Chúa đã trao phó cho ông để chuyển cho chúng tôi".

Phêrô nói: "Bây giờ thì tôi biết rằng Thiên Chúa không biệt đãi ai nhưng tiếp nhận bất cứ người nào kính sợ Ngài và hành động công chính thuộc bất cứ quốc gia nào. Đây là lời Thiên Chúa đã gởi tới con cái Israel, được rao giảng bởi Đức Giêsu Kitô, là Chúa của mọi người. Quý vị chắc đã nghe nói về những sự việc xảy ra mới đây trong khắp xứ Giuđêa, về Chúa Giêsu người Nazarét và Ngài đã

bắt đầu như thế nào sau khi chịu phép rửa do Gioan, và Thiên Chúa đã xức dầu Người với Chúa Thánh Thần quyền năng như thế nào, Người đã đi khắp nơi làm những việc tốt đẹp, chữa lành mọi người bị quỷ ám; bởi vì Thiên Chúa ở với Người. bây giờ tôi và những người cùng với tôi, có thể làm chứng mọi sự Người đã làm tại xứ của người Do Thái và tại Giêrusalem. Tất cả quý vị đều biết người ta đã giết Ngài như thế nào, đã treo Người trên thập giá. Nhưng Thiên Chúa đã cho Người sống lại ngày thứ ba và cho Người hiện ra không phải với mọi người nhưng chỉ với những chứng nhân đã được Thiên Chúa tuyển chọn, với chúng tôi là những người đã ăn uống với Ngài sau khi sống lại từ kẻ chết. Và Ngài đã truyền lệnh cho chúng tôi công bố điều này cho dân của Ngài và nói với họ rằng Thiên Chúa đã chỉ định Ngài làm quan xét mọi người, người sống cũng như kẻ chết. Chính các ngôn sứ đã làm chứng về Ngài và nói rằng tất cả những người tin vào Ngài sẽ được tha thứ khỏi tội lỗi của mình".

Khi Phêrô còn đang nói thì Chúa Thánh Thần đến trên tất cả các người nghe. Những tín hữu Do Thái tháp tùng Phêrô lấy làm ngạc nhiên về ơn Chúa Thánh Thần cũng tuôn đổ trên người dân ngoại. Họ có thể nghe những người này nói tiếng lạ và ngợi khen Thiên Chúa. Thế rồi Phêrô nói: "Như vậy làm sao có thể từ chối rửa tội cho những người này, vì họ cũng đã lãnh nhận Thánh Thần như chúng ta?"

Và ông ra lệnh cho họ được rửa tội nhân danh Chúa Giêsu Kitô. Sau đó họ năn nỉ ông ở lại với họ thêm ít ngày. (TĐCV 10,23b-48)

Antiôkia là một trong những thành phố quan trọng nhất của đế quốc Rôma. Thành này gồm có nhiều sắc dân. Phaolô tìm thấy đây một cộng đoàn linh hoạt, sẵn sàng để Chúa Thánh Thần hướng dẫn. Cộng đoàn này ý thức được trách nhiệm truyền giáo và gọi đi những người ưu tú nhất là Phaolô và Barnabê để rao giảng lời Thiên Chúa. Ban đầu họ vừa hoạt động chung tại Cyprus và Tiểu Á. Cuộc hành trình truyền giáo đầu tiên này mang lại nhiều kết quả tốt đẹp.

Lúc Stêphanô bị xử tử một cuộc bách hại bùng nổ làm cho dân chúng chạy trốn ra nước ngoài. Họ đi xa tới tận Phênêxia, Cyprus và Antiôkia, người ta chỉ rao giảng lời Thiên Chúa cho người Do Thái mà thôi. Tuy vậy một vài người trong họ là người ở Cyprus và Xyrênê, đến Antiôkia và giảng về Chúa Giêsu cho cả người Hy Lạp nữa. Nhiều người vì thế đã đến với Chúa. Khi tin tức về những sự việc này tới với Giáo Hội tại Giêrusalem, họ liền cử Barnabê đi tới Antiôkia. Khi ông này đến nơi thấy ơn Chúa hành động thì rất vui mừng, khuyến nhủ họ trung thành với Chúa. Ông là người tốt lành đầy tràn Chúa Thánh Thần.

Barnabê rời nơi đó đi Tarsus tìm Phaolô. Khi gặp được Phaolô ông đưa ngài tới Antiôkia. Họ cùng nhau làm

việc ở đây suốt trong một năm; giảng dạy cho nhiều người. Chính tại Antiôkia mà các môn đệ lần đầu tiên được gọi là "Kitô Hữu". (TĐCV 11,19-26)

Giáo Hội thiết lập tại Antiôkia có những vị ngôn sứ và giảng dạy thông thái: Barnabê, Simêô gọi là Nigêrô, Luciô thành Cyrênê, Manaen bạn thiếu thời của vua Hêrôđê, và Saulô. Một ngày kia trong lúc họ đang cầu nguyện và ăn chay, thì Thánh Thần Chúa dạy: "Hãy để Barnabê và Saulô làm việc ta chỉ định riêng". Sau khi đã ăn chay và cầu nguyện, họ đặt tay lên đầu hai vị và để hai vị ra đi. (TĐCV 13,1-3)

Chúa Giêsu đã rao giảng sứ điệp của Ngài cho người Do Thái mà thôi. Các môn đệ và cộng đoàn đầu tiên phát xuất từ Do Thái giáo. Chính vì thế mà các cộng đoàn Kitô sơ khởi đã phải đương đầu với một vấn nạn khó khăn. Người ta có thể trở thành người Kitô mà không cần phải là Do Thái nghĩa là khỏi phải cắt bì như luật Môisen đã ban hành không? Tất cả các cộng đoàn họp nhau tại Giêrusalem để khảo sát vấn đề khó khăn này. Sau cuộc tranh luận sôi nổi, quyết định chung là những người dân ngoại cũng có thể trở thành phần tử đầy đủ của cộng đoàn mà không cần phải gia nhập đạo Do Thái trước. Kinh nghiệm của Phêrô và Phaolô với dân ngoại là yếu tố quyết định đưa tới sự đồng thuận này. Hoạt động của Chúa Thánh Thần được cảm nhận trong suốt tiến trình thật quá rõ ràng.

Một số biện pháp được đề ra để làm dễ dàng hơn việc tham dự các bữa tiệc huynh đệ giữa người Kitô gốc Do Thái và những người Kitô gốc dân ngoại. Người Kitô gốc dân ngoại chỉ phải tuân giữ luật Do Thái trong vấn đề về trong sách và ô uế. Nhờ đó Giáo Hội bắt đầu biểu hiện đặc tính hoàn vũ của mình và vượt thắng được nguy hiểm trở thành một hệ phái của Do Thái giáo. Giải pháp của cuộc tranh chấp này có thể cho ta câu trả lời về vấn nạn hội nhập sứ điệp Kitô Giáo vào các nền văn hóa.

Một vài người đến từ Giuđêa và giảng dạy anh em rằng nếu họ không chịu phép cắt bì theo như cách thức Môisen đã dạy, thì họ không được cứu rỗi. Việc này khơi dậy sự xao động và tranh cãi nên Phaolô, Barnabê và một số người khác về Giêrusalem thảo luận vấn đề này với các tông đồ và những vị lão thành. Giáo đoàn chuẩn bị cho họ lên đường đi qua Phênêxia và Samaria, họ kể lại cho mọi người việc người dân ngoại trở lại và tin tức này được mọi người hoan hỉ đón nhận. Khi họ tới Giêrusalem họ được Giáo Hội, các tông đồ và các vị lão thành đón tiếp và họ đã tường trình về tất cả những việc Thiên Chúa đã làm nơi họ. Nhưng một số hội viên trước đây thuộc phái Phariseu phản đối, nhấn mạnh rằng các người dân ngoại phải chịu cắt bì và phải được dạy cho biết luật Môisen. Các tông đồ và người lão thành gặp nhau để khảo sát vấn đề. Sau khi thảo luận lâu dài, Phêrô đã đứng dậy nói: "Anh em biết rằng, ngay từ đầu, Chúa đã chọn tôi phục vụ anh em, để người

ngoại giáo được nghe lời Tin Mừng và đưa về cuộc sống đức tin. Tại sao dám thách đố Thiên Chúa, buộc anh em mình phải chịu một gánh nặng mà cả cha ông chúng ta cũng như ngay cả chúng ta không đủ sức để gánh vác? Hơn nữa, chính nhờ ân sủng của Chúa Giêsu mà chúng ta có được ơn cứu rỗi, y hệt như anh em chúng ta vậy".

Toàn thể cử tọa im lặng và nghe Barnabê, Phaolô mô tả những dấu hiệu và phép lạ Thiên Chúa đã thực hiện qua họ ở giữa các người dân ngoại. Khi họ nói xong, Giacôbê đứng lên nói: "Anh em thân mến, hãy lắng nghe tôi. Simon đã mô tả cách thức Thiên Chúa trước hết đã tuyển chọn một dân tộc mang Danh Ngài từ những người dân ngoại. Và điều này phù hợp với lời của các ngôn sứ, như đã được chép trong Thánh Kinh:

"Sau đó ta sẽ trở lại và sẽ xây dựng lại

nhà David đã bị hoang tàn;

Ta sẽ xây lại từ những đồ nát và tô bồi nó,

để số người còn lại sẽ tìm kiếm Chúa,

cùng với hết thảy những dân tộc kêu cầu danh Ngài,

đó là lời Thiên Chúa,

Đáng mặc khải những sự việc này từ thuở ban đầu".

(Am 9,11-12)

Vì vậy hội nghị nghĩ rằng đừng làm khó dễ người dân ngoại muốn đến với Thiên Chúa. Họ chỉ phải kiêng cử những gì đã cúng tế các thần, tránh sự gian dâm, kiêng thịt

các con vật chết ngạt và kiêng không ăn uống máu. Bởi vì từ xưa đến nay, luật Môisen được đọc trong các hội đường mỗi ngày Sabat".

Sau đó các tông đồ và các vị lãnh đạo cùng với toàn thể Giáo Hội đã đồng ý sai một phái đoàn đến Antiôkia cùng với Phaolô và Barnabê. Họ chọn ông Giuđa cũng gọi là Basaba và ông Sila, cả hai là những người đã lão luyện và được mến mộ. Họ được trao cho lá thư này: "Các tông đồ và những người lãnh đạo, anh em với các vị, gửi lời chào anh em gốc dân ngoại tại Antiôkia, Syria và Cilicia. Chúng tôi nghe nói rằng mấy người trong nhóm chúng tôi đã đưa ra các đòi hỏi làm phiền toái các anh em và làm anh em hoang mang. Họ đã hành động không có ủy nhiệm của chúng tôi. Vì thế chúng tôi đồng thanh quyết định chọn một phái đoàn gửi đến anh em cùng với Barnabê và Phaolô, các ngài là những người đã từng liều mất mạng vì danh Chúa Giêsu Kitô của chúng ta". (TĐCV 15,1-26)

Sau Công Đồng các Tông Đồ đó, Phaolô và các bạn cộng sự đã rất tích cực trong việc rao giảng. Số người Kitô gốc dân ngoại gia tăng đều đều. Khi Phaolô trở lại Giêrusalem chừng 10 năm sau, ông bị người Do Thái tố giác và bắt giam tù. Nhưng vì vụ xử của ông chỉ có thể giải quyết bởi chính hoàng đế Rôma (ông có quốc tịch Rôma từ khi mới sinh); nên ông bị dẫn giải về Rôma, trung tâm thế giới. Ở đây ông có dịp rao giảng tự do về đức tin Kitô. Nhờ

cách này, những lời của Chúa Giêsu Phục Sinh ghi trong phần đầu của sách Tông Đồ Công Vụ được thực hiện: các con sẽ là nhân chứng của Ta..." cho tới tận cùng trái đất".

Họ thu xếp một ngày và một số đông trong họ đã viếng thăm ông tại chỗ tạm trú. Trong bài nói chuyện với họ, ông làm chứng về Nước Thiên Chúa và cố gắng thuyết phục họ về Chúa Giêsu, dẫn chứng từ luật của Môisen và các ngôn sứ. Cuộc đàm thoại diễn ra từ sáng sớm cho tới chiều tối. Một số người xác tín về những lời ông nói trong khi số khác hoài nghi. Vì thế họ trở nên bất đồng với nhau, và khi họ rời đi, Phaolô nói những lời cuối cùng này với họ: "Chúa Thánh Thần đã nói sự thật cho tổ tiên quý vị qua ngôn sứ Isaia:

"Hãy tới với dân này và nói:

Các vị nghe mà không hiểu;

nhìn mà không thấy.

Trái tim của dân này đã trở nên chai đá

không còn nghe gì được nữa;

họ nhắm mắt lại vì sợ rằng ắt phải thấy,

tai phải nghe,

tâm lòng phải hiểu biết,

e rằng phải hoán cải và Ta sẽ chữa lành đi chăng". (Is 6,9-10)

Vậy hãy hiểu biết rằng nay sự cứu rỗi của Thiên Chúa đã được đem tới cho người dân ngoại. Họ lại sẽ lắng nghe".

Phaolô cư ngụ hai năm trong căn nhà thuê. Ông đón tiếp mọi người đến viếng thăm. Ông rao giảng Nước Thiên Chúa và giảng dạy sự thật về Chúa Giêsu một cách tự do, không ai ngăn cản ông. (TĐCV 28,23-31)

Giáo Hội lúc sơ khai, việc cử hành thánh lễ được nối kết với bữa ăn thường. Mỗi người đóng góp tùy theo khả năng. Người giàu hòa đồng với người nghèo như thể anh em. Nhưng tại Côrintô xảy ra một tình trạng không tốt đẹp. Người giàu bắt đầu ăn uống trước khi người nghèo đến, vì họ phải làm xong công việc nặng nhọc của mình trong ngày. Thật là tệ, họ dùng những thứ còn thừa và tệ hơn nữa họ bị coi khinh chỉ vì họ nghèo. Phaolô nêu rõ rằng việc này đi ngược lại đường lối và tinh thần của Chúa Giêsu. Bất cứ người nào xử sự cách ích kỷ như vậy trong bữa tiệc thánh là phạm tội với Chúa Kitô và toàn cộng đoàn. Vì cộng đoàn là thân thể của Chúa Kitô.

"Về điều này, tôi cố theo dõi và không thể khen anh em, vì anh em họp nhau lại không để nên tốt lành mà lại trở thành xấu hơn. Tôi nghe rằng khi anh em họp nhau lại ở nhà thờ, có nhiều sự chia rẽ giữa anh em, và tôi tin một phần nào đó có thực. Hẳn có những bất đồng giữa anh em để có người phải lên tiếng.

Khi anh em họp nhau, anh em đã không dùng bữa ăn của Chúa. Bởi vì mỗi người hời hả lo bữa tối của mình

trước người khác nên có người thì đói kẻ thì say sưa. Anh em không có nhà riêng để ăn uống hay sao? Hay anh em khinh thường Giáo Hội của Chúa và xỉ nhục những người nghèo? Tôi phải nói gì với anh em? Tôi sẽ khen anh em về điều này chăng? Chắc chắn là không.

Điều mà tôi đã lãnh nhận từ Chúa, tôi cũng nói lại cho anh em: Chúa Giêsu, chính trong đêm Ngài bị nộp, đã cầm lấy bánh và sau lời chúc tụng, Ngài bẻ ra và nói: "Đây là thân thể Ta, sẽ bị nộp vì các con, hãy làm điều này để tưởng nhớ Ta". Cũng một cách như vậy, sau bữa ăn, Ngài cầm lấy chén và nói: "Đây là chén Tân Ước trong máu Ta; khi các con uống, hãy làm để tưởng nhớ Ta". Thật vậy, mỗi lần anh em ăn bánh này và uống chén này, anh em loan truyền cái chết của Chúa cho đến khi Ngài lại đến". (1 Cr 11,17-26)

Cộng đoàn Côrintô được Chúa Thánh Thần ban nhiều ơn đặc sủng. Nhưng có người lại coi những đặc ơn này là do công trạng của mình hơn những người khác. Đặc biệt ơn nói các ngôn ngữ được xem là ơn cao quý nhất. Nhưng các đặc ân Chúa Thánh Thần nhằm mục đích xây dựng cộng đoàn chứ không nhằm tạo danh tiếng của người được ơn đó. Thánh Phaolô nói đặc ân đều tốt đẹp và có giá trị, nhưng vượt trên hết là tình yêu. Không có tình yêu, mọi ơn khác đều không có giá trị gì.

"Bây giờ, bàn về các ơn thiêng liêng, tôi không muốn để anh em mờ tối. Anh em biết rằng khi anh em còn là dân ngoại, anh em như bị lôi kéo bởi những tượng thần cầm đuốc. Vì thế tôi cảnh giác anh em rằng không ai có thể nhờ Chúa Thánh Thần mà nói ngược lại Chúa Giêsu, cũng không ai có thể nói Chúa Giêsu là Chúa mà không bởi Chúa Thánh Thần.

Các ơn đặc sủng rất nhiều thứ, nhưng chỉ có một Thánh Linh. Và có nhiều chức vụ khác nhau, nhưng chỉ có một Chúa. Và có nhiều hình thức hoạt động nhưng chỉ có một Chúa là Đấng làm mọi sự trong mọi người. Trong mỗi người chúng ta, Chúa Thánh Thần biểu dương một cách riêng biệt để đem lợi ích cho mọi người. Người thì được Thánh Linh ban cho ơn nói khôn ngoan; cũng chính Thánh Linh ấy ban cho người khác ơn hiểu biết; người khác nữa ơn đức tin; có người ơn chữa bệnh; người khác ơn làm phép lạ; có người được ơn tiên tri; người khác ơn suy xét; người khác ơn nói tiếng lạ; người khác ơn giải thích. Nhưng tất cả các ơn ấy đều là công việc của một Thánh Linh phân phát cho họ một cách riêng rẽ như Ngài muốn". (1 Cr 12,1-11)

"Tôi sẽ chỉ cho anh em con đường hoàn hảo hơn cả: Mặc dầu tôi nói được nhiều tiếng nói của loài người và các thiên thần, nhưng nếu tôi không có đức thương yêu thì tôi chỉ phát âm như kèn đồng hay thanh la. Và mặc dầu tôi có

ơn nói tiên tri, hiểu biết mọi mầu nhiệm và kiến thức, và mặc dầu tôi có đức tin mạnh đến độ chuyển núi dời non, nhưng nếu tôi không có thương yêu, thì tôi chỉ là không. Và mặc dầu tôi bán các tài sản để nuôi người nghèo, và mặc dầu tôi hiến mình chịu thiêu đốt, nhưng nếu tôi không có đức yêu thương thì cũng chẳng được ích gì.

Tình yêu thì nhẫn nại; hay giúp đỡ. Tình yêu không ghen tương, cũng không tự phụ hay kiêu căng; không thô bạo cũng không tìm lợi ích cho mình; không dễ dàng nổi giận; không vui mừng trước những bất công nhưng vui trong sự thật. Tình yêu chịu đựng mọi sự, tin tưởng mọi sự, cam chịu mọi sự.

Tình yêu không bao giờ qua đi. Nhưng ơn nói tiên tri sẽ hết, ơn nói tiếng lạ sẽ chấm dứt, kiến thức sẽ biến dần. Bởi vì chúng ta chỉ biết từng phần và nói tiên tri từng phần. và khi cái hoàn hảo tới thì cái bất toàn phải lui đi. Khi tôi còn là đứa trẻ, tôi nghĩ như đứa trẻ, tôi lý luận như đứa trẻ; nhưng bây giờ tôi là người lớn, tôi dẹp bỏ những cái trẻ con. Bây giờ chúng ta chỉ nhìn những phản chiếu trong gương, nhưng rồi đây chúng ta sẽ nhìn mặt đối mặt. Bây giờ tôi chỉ biết một phần về Thiên Chúa, nhưng rồi tôi sẽ biết Ngài như Ngài biết tôi.

Nay, chỉ có ba điều tồn tại: đức tin, hy vọng và tình yêu. Nhưng lớn nhất là tình yêu. (1 Cr 12,31b-13,13)

Làm sao biết được người Kitô chân chính? Không phải theo lời nói của họ hay việc tuyên xưng đức tin của họ. Đặc điểm chính của người Kitô là tình yêu của họ đối với Thiên Chúa và đồng loại. Tình yêu Thiên Chúa biểu lộ qua việc yêu thương đồng loại. Tình yêu chân thật không đến từ chúng ta mà là ơn của Chúa, đó là việc đáp trả tình yêu của Ngài.

"Thưa các bạn, chúng ta hãy yêu thương nhau, vì tình yêu đến từ Thiên Chúa và bất cứ ai yêu thương thì họ sinh bởi Thiên Chúa và biết Thiên Chúa. Người không biết yêu, cũng không biết Thiên Chúa, bởi vì Thiên Chúa là tình yêu. Tình yêu Thiên Chúa dành cho chúng ta được biểu lộ bằng cách này là Thiên Chúa sai Con duy nhất của Ngài vào trong thế gian để chúng ta được sống nhờ Ngài. Đây là tình yêu, không phải chúng ta yêu Thiên Chúa trước, mà Ngài yêu chúng ta trước và sai Con Ngài làm lễ hy sinh đền tội chúng ta.

Thưa các bạn, nếu Thiên Chúa yêu thương chúng ta dường ấy, chúng ta cũng phải yêu thương nhau.

Chúng ta đã biết và tin vào tình yêu Thiên Chúa dành cho chúng ta. Thiên Chúa là tình yêu, và ai sống trong tình yêu, tức là sống trong Thiên Chúa và Thiên Chúa ở trong họ.

Chúng ta yêu Ngài vì Ngài yêu chúng ta trước. (1 Gioan 4,7-11.16.19)

Không kể các Thánh Vịnh trong Cựu Ước, các cộng đoàn Kitô còn hát những thánh ca mới và những bài hát trong các cử hành tôn giáo. Một số lấy từ trong Tân Ước như bài ca tụng Chúa Kitô (dưới đây). Bài ca mô tả con đường Chúa Giêsu đã đi qua; từ trong vinh quang Chúa Cha Ngài đến với chúng ta qua cử chỉ khiêm tốn cùng cực. Được phục sinh Ngài trở về với Chúa Cha và từ đó hiển trị thế giới, Chúa vũ trụ.

"Ngài, từ thân phận là Thiên Chúa,
nhưng đã không cố giữ cho mình
địa vị ngang hàng với Thiên Chúa.
Nhưng tự bỏ mình
mang thân phận nô lệ.
Ngài đã trở nên giống người phàm.
Mang lấy thân phận con người,
Ngài hạ mình xuống hơn nữa để vâng lời cho đến
chết,
và chết trên thập giá!
Vì thế Thiên Chúa đã nâng Ngài lên địa vị cao trọng
và ban cho Ngài một tên vượt trên mọi tên,
để mọi vật trên trời dưới đất và nơi âm phủ,
phải bái gối trước tên Giêsu,
và mọi miệng lưỡi sẽ tung hô
Giêsu là Chúa,

để vinh danh Thiên Chúa Cha". (Pl 2,6-11)

Thiên Chúa không muốn thiêu hủy hay phá đổ công trình tạo dựng của Ngài. Ngài đã tạo dựng mọi sự tốt đẹp ngay từ đầu. Nhưng tội của con người đã làm hư hỏng và còn tiếp tục diệt chúng. Tuy vậy, thời kết cục của lịch sử Thiên Chúa sẽ tạo dựng nên một thế giới mới. Gioan, người được thị kiến và tiên tri, đã diễn tả trong cuốn sách cuối cùng của Thánh Kinh về một nhân loại mới được Chúa Giêsu cứu chuộc. Nhân loại này sống hiệp thông viên mãn và trọn vẹn với Thiên Chúa.

"Tôi đã thấy trời mới và đất mới, vì trời cũ và đất cũ đã tan biến đi, và không còn nữa.

"Tôi đã nhìn thấy thành thánh Giêrusalem mới, từ Thiên Chúa, xuất hiện trên trời; thành đó xinh đẹp như một cô dâu trang sức để về nhà chồng. Rồi tôi nghe tiếng nói hùng mạnh phát ra từ ngai tòa:

Đây là nơi Thiên Chúa ở với con người.

Ngài sẽ cắm lều ở giữa chúng;

Họ sẽ là dân của Ngài,

và Thiên Chúa luôn ở bên họ là Thiên Chúa của họ.

Ngài sẽ lau sạch nước mắt họ;

sẽ không còn chết chóc,

tang tóc, khóc lóc, đau đớn nữa,

vì thế giới cũ đã biến tan rồi". (KH 21,1-4)